Phần một
NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

A. MỤC TIÊU

Mục tiêu giáo dục ***chung*** của ***nhà trường*** là giúp trẻ em phát triển ***toàn diện*** về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ ***và*** hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị tâm thế ***sẵn sàng*** cho trẻ vào lớp 1; Hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng tâm sinh lý năng lực và phẩm chất, mang tính nền tảng, những kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, ***đáp ứng yêu cầu đổi mới, tiếp cận với các phương pháp giáo dục hiện đại STEAM, Reggio emilia,*** khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, ***vượt trội, năng khiếu của trẻ thông qua các câu lạc bộ nghệ thuật, thể thao*** đặt nền tảng cho việc học ở các cấp tiếp theo và suốt đời.

B. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON

1. Chương trình giáo dục mầm non là chương trình khung, có tính chất mở, thể hiện mục tiêu giáo dục mầm non, quy định các yêu cầu về nội dung, phương pháp giáo dục mầm non và đánh giá sự phát triển của trẻ, làm căn cứ cho việc quản lí, chỉ đạo và tổ chức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em ở tất cả các cơ sở giáo dục mầm non trên phạm vi cả nước; đồng thời là cam kết của Nhà nước nhằm bảo đảm chất lượng cho cả hệ thống và từng cơ sở giáo dục mầm non.

Chương trình giáo dục mầm non được xây dựng trên cơ sở quan điểm của Đảng, Nhà nước về đổi mới căn bản, toàn diện về giáo dục và đào tạo, có kế thừa những ưu việt của Chương trình chăm sóc, giáo dục trẻ trước đây, được phát triển trên quan điểm bảo đảm đáp ứng sự đa dạng của các vùng miền, các đối tượng trẻ, hướng đến sự phát triển toàn diện và tạo cơ hội cho trẻ phát triển.

2. Chương trình giáo dục mầm non bảo đảm kết nối chặt chẽ giữa các độ tuổi nhà trẻ và mẫu giáo với nhau, liên thông với Chương trình giáo dục phổ thông. Chương trình thể hiện quan điểm giáo dục toàn diện, tích hợp, lấy trẻ làm trung tâm với phương châm giáo dục "chơi mà học, học bằng chơi". *Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục Mầm non trên cơ sở tham khảo một số nội dung trong chương trình giáo dục Mẫu giáo của Hàn Quốc đảm bảo hiệu quả phù hợp với thực tiễn của nhà trường, địa phương.*

3. Chương trình quy định những nội dung giáo dục áp dụng đối với mọi trẻ em mầm non, ***nhà trường xây dựng Chương trình tự chủ phù hợp với điều kiện của địa phương***, giáo viên lựa chọn, ***bổ sung một số nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục hiện đại Steam*** và triển khai kế hoạch giáo dục ***phù hợp với từng độ tuổi của lớp.***

C. YÊU CẦU VỀ NỘI DUNG PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG VÀ ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ

I. YÊU CẦU VỀ NỘI DUNG GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

- Đảm bảo tính khoa học, tính vừa sức và nguyên tắc đồng tâm phát triển từ dễ đến khó, ***từ đơn giản đến phức tạp***; Đảm bảo tính liên thông giữa các độ tuổi, giữa nhà trẻ, mẫu giáo và cấp tiểu học; Thống nhất giữa các nội dung giáo dục với cuộc sống hiện thực, gắn với cuộc sống và kinh nghiệm của trẻ, ***phù hợp với thực tế địa phương, nhà trường***, chuẩn bị ***tâm thế*** cho trẻ từng bước hòa nhập vào cuộc sống.

- Phù hợp với sự phát triển ***tâm lí, sinh lý*** của trẻ em, hài hòa giữa nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; Giúp trẻ em phát triển cơ thể cân đối khỏe mạnh, nhanh nhẹn, ***tự tin***; Cung cấp kỹ năng sống phù hợp với lứa tuổi; Giúp trẻ em biết kính trọng yêu mến, lễ phép với ông bà, cha mẹ, thầy giáo, cô giáo, yêu quý anh, chị, em, bạn bè, ***những người xung quanh trẻ***; Thật thà, mạnh dạn, tự tin và hồn nhiên, yêu thích cái đẹp; ham hiểu biết, ***thích khám phá, trải nghiệm,*** thích đi học.

- Nội dung giáo dục nhà trường phù hợp với phương pháp giáo dục hiện đại STEAM, phù hợp với tâm lí, sinh lý lứa tuổi của trẻ, phù hợp với thực tế, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. *Trẻ được học tập một số nội dung trong chương trình mẫu giáo của Hàn Quốc.*

- Nội dung chương trình làm quen tiếng Anh đảm bảo thống nhất với nội dung giáo dục nhà trường, các nội dung kiến thức ngôn ngữ, kỹ năng ngôn ngữ đảm bảo tính khoa học, vừa sức, liên thông giữa các độ tuổi trong nhà trường, gắn với thực tiễn.

II. YÊU CẦU VỀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC CỦA NHÀ THƯỜNG

1. Đối với giáo dục nhà trẻ ***24 – 36 tháng tuổi:*** Phương pháp giáo dục phải chú trọng giao tiếp thường xuyên, thể hiện sự yêu thương và tạo sự gắn bó của người lớn với trẻ; Chú ý đặc điểm cá nhân của trẻ để lựa chọn phương pháp giáo dục phù hợp, tạo cho trẻ có cảm giác an toàn về thể chất và tinh thần, tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ được tích cực hoạt động giao lưu cảm xúc, hoạt động với đồ vật và vui chơi, kích thích sự phát triển giác quan và các chức năng tâm lý, sinh lý; Tạo môi trường giáo dục gần gũi với khung cảnh gia đình, ***thân thiện, an toàn*** giúp trẻ thích nghi với nhà trẻ.

2. Đối với giáo dục mẫu giáo, phương pháp giáo dục phải tạo điều kiện cho trẻ được trải nghiệm, tìm tòi, khám phá môi trường xung quanh dưới nhiều hình thức đa dạng, ***phong phú,*** đáp ứng nhu cầu, hứng thú của trẻ theo phương châm "Chơi mà học, học bằng chơi", "***Lấy trẻ làm trung tâm".*** Chú trọng đổi mới tổ chức môi trường giáo dục nhằm kích thích và tạo cơ hội cho trẻ tích cực khám phá, thử nghiệm và sáng tạo ở các khu vực hoạt động một cách vui vẻ. *Giáo viên nên đặt nhiều câu hỏi khác nhau thuy theo đặc điểm của hoạt động giáo dục để phát huy tư duy sáng tạo.* Kết hợp hài hòa giữa giáo dục trẻ trong nhóm bạn

với giáo dục cá nhân, ***giúp trẻ tiếp cận tốt nhất với CTGDPT năm 2018,*** chú ý đặc điểm riêng của từng trẻ để có phương pháp giáo dục phù hợp. Tổ chức hợp lý các hình thức hoạt động cá nhân, theo nhóm nhỏ và cả lớp, phù hợp với độ tuổi ***của lớp***, với khả năng của từng trẻ, với nhu cầu và hứng thú của trẻ và với điều kiên thực tế của nhà trường, địa phương.

3. Vận dụng linh hoạt, sáng tạo phương pháp giáo dục hiện đại STEAM, Reggio emilia vào tổ chức các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ. Sử dụng bộ công cụ hỗ trợ trẻ mầm non làm quen với đọc viết và toán nhằm góp phần thúc đẩy môi trường giáo dục thân thiện và hiệu quả tại gia đình và nhà trường theo phương pháp tiếp cận mới về giáo dục sớm cho trẻ mầm non.

III. YÊU CẦU VỀ ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ

- Đánh giá sự phát triển của trẻ (bao gồm đánh theo giá trẻ hàng ngày, đánh giá trẻ theo giai đoạn, ***đánh giá trẻ 5 tuổi theo 28 chuẩn và 120 chỉ số, đánh giá qua phiếu bài tập)*** nhằm theo dõi sự phát triển, ***khả năng, năng khiếu vượt trội*** của trẻ, ***từ đó*** làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch ***và điều chỉnh kế hoạch giáo dục***.

- Trong đánh giá phải có sự phối hợp nhiều phương pháp, hình thức đánh giá; coi trọng đánh giá sự tiến bộ của từng trẻ, đánh giá trẻ thường xuyên qua quan sát hoạt động hàng ngày, *đánh giá nên bao gồm đánh giá toàn diện về thái độ, kiến thức, kỹ năng.*

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

I. TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ NHÀ TRƯỜNG

1. ***Nhà trường*** có sứ mệnh hình thành và phát triển toàn diện nhân cách cho trẻ em mầm non; được giao quyền tự chủ theo quy định của pháp luật.

2. Cơ cấu tổ chức bộ máy và hoạt động của ***nhà trường*** theo quy định của Điều lệ trường mầm non do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

II. CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN

1. Số lượng và cơ cấu đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên bảo đảm tối thiểu theo quy định.

2. Cán bộ quản lý, giáo viên, có trình độ được đào tạo đạt chuẩn trở lên; giáo viên được xếp loại Đạt trở lên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non; cán bộ quản lý được xếp loại Đạt trở lên theo Chuẩn hiệu trưởng; cán bộ quản lý, giáo viên được bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ liên quan đến nhiệm vụ để đáp ứng yêu cầu phát triển chương trình giáo dục nhà trường.

3. Nhân viên có trình độ chuyên môn bảo đảm theo quy định, được bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ liên quan đến nhiệm vụ theo vị trí việc làm trong cơ sở giáo dục mầm non.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT, ĐỒ DÙNG, ĐỒ CHƠI, HỌC LIỆU, THIẾT BỊ DẠY HỌC

Địa điểm, diện tích, quy mô ***nhà trường***; cơ sở vật chất và đồ dùng, đồ chơi, học liệu, thiết bị dạy học bảo đảm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các quy định có liên quan và đáp ứng yêu cầu phát triển chương trình giáo dục nhà trường.

IV. XÃ HỘI HÓA GIÁO DỤC

1. Quán triệt quan điểm phát triển giáo dục là sự nghiệp của Đảng, của Nhà nước và của toàn dân, cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Chương trình giáo dục mầm non; bảo đảm điều kiện thực hiện chương trình; thực hiện nghiêm túc các chính sách của Đảng, Nhà nước đối với cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên ***trong nhà trường***. Nhà trường chủ động tham mưu với cấp uỷ Đảng, chính các nguồn lực tham gia các hoạt động giáo dục và hỗ trợ kinh phí, cơ sở vật chất nhà trường, xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện.

2. Gia đình, cộng đồng được hướng dẫn và có trách nhiệm phối hợp với ***nhà trường*** bảo đảm điều kiện để thực hiện chế độ sinh hoạt cho trẻ và chế độ làm việc đối với giáo viên, nâng cao chất lượng thực hiện chương trình giáo dục mầm non.

Phần hai
CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRẺ

A. MỤC TIÊU

Chương trình giáo dục nhà trẻ nhằm giúp trẻ ***từ 24-36 tháng*** tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm- xã hội và thẩm mỹ.

I. PHÁT TRIỂN VỀ THỂ CHẤT

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Thích nghi với chế độ sinh hoạt của nhóm trẻ.
- Thực hiện được vận động cơ bản.
- Có một số tố chất vận động ban đầu (nhanh nhẹn, khéo léo, ***kiên trì, dẻo dai,*** thăng bằng cơ thể).
- Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay.
- Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ, ***chơi – tập*** và vệ sinh cá nhân.
- ***Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn.***

II. PHÁT TIỂN NHẬN THỨC

- Thích tìm hiểu, khám phá, ***trải nghiệm*** thế giới xung quanh.
- Có sự nhạy cảm của các giác quan.

- Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản ***và nét mặt, cử chỉ điệu bộ.***

- Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi, quen thuộc.

III. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

- Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói***, cử chỉ điệu bộ nét mặt.***

- Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ.

- Sử dụng lời nói, từ, câu để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu.

- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu lời nói.

- Mạnh dạn, hồn nhiên trong giao tiếp.

IV. PHÁT TIỂN TÌNH CẢM KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MỸ

- Có ý thức về bản thân, mạnh dạn, ***tự tin trong*** giao tiếp với những người gần gũi ***và những người xung quanh.***

- Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi.

- Thực hiện được một số quy định trong sinh hoạt.

- Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé dán, xếp hình; thích nghe đọc thơ, kể truyện

B. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

I. PHÂN PHỐI THỜI GIAN

- Chương trình thiết kế cho 35 tuần, mỗi tuần làm việc 5 ngày áp dụng trong nhà trường. Kế hoạch chăm sóc, giáo dục hằng ngày thực hiện theo chế độ sinh hoạt ***cho trẻ 24 -36 tháng tuổi*** phù hợp với sự phát triển của trẻ ***và điều kiện thực tế của nhà trường, địa phương.***

- Thời điểm nghỉ hè, lễ tết, nghỉ học kỳ theo quy định chung của Bộ giáo dục và Đào tạo, ***Sở GD&ĐT tỉnh Lào Cai, Phòng GD&ĐT TP Lào Cai.***

II. CHẾ ĐỘ SINH HOẠT

- Chế độ sinh hoạt là sự phân bổ thời gian và các hoạt động trong ngày một cách hợp lý đáp ứng nhu cầu về tâm sinh lý của trẻ, qua đó giúp trẻ hình thành những nền nếp, thói quen tốt và thích nghi với cuộc sống của trẻ.

- Ăn 1 bữa chính và ***1 bữa phụ.***

- Ngủ: 1 giấc trưa.

Thời gian	Hoạt động
50 - 60 phút	Đón trẻ
110 - 120 phút	Chơi- tập
50 - 60 phút	Ăn chính
140 - 150 phút	Ngủ
20 - 30 phút	Ăn phụ
60 - 70 phút	***Chơi- tập***
40 - 50 phút	Chơi - trả trẻ

C. NỘI DUNG

I. NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE

1. Tổ chức ăn

- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi.

Nhóm tuổi	Chế độ ăn	Nhu cầu khuyến nghị	Nhu cầu khuyến nghị năng lượng ngày/trẻ (chiếm 60 – 70% nhu cầu cả ngày)
24 – 36 tháng tuổi	Cơm thường	***950 – 1000 Kcal***	***610 – 680 Kcal***

- Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non: một *bữa chính* và một bữa phụ

+ Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa chính cung cấp ***từ 50 - 60 % năng lượng cả ngày; 1 Bữa phụ cung cấp 20 - 25 % năng lượng cả ngày.***

+ Tỷ lệ các chất cung các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu sau:

- Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 15 - 25 % năng lượng khẩu phần.

- Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 30 - 40 % năng lượng khẩu phần.

- Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 50 - 55 % năng lượng khẩu phần.

- Nước uống khoảng 1 - 1,8 lít/ ngày (kể cả nước trong thức ăn).

- Xây dựng thực đơn ***bữa hàng*** ngày theo tuần, theo mùa.

2. Tổ chức ngủ

Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng ***140*** -150 phút).

3. Vệ sinh

- Vệ sinh cá nhân.
- Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ gìn nguồn nước và sử lý rác, nước thải.

4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn.

- Khám sức khỏe định kỳ, theo dõi đánh giá sự phát triển cân nặng chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.
- Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng.
- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.

II. GIÁO DỤC

1. Giáo dục phát triển thể chất

a. Phát triển vận động

- Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.
- Các vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu.
- Các cử động bàn tay, ngón tay.

b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

- Tập luyện nền nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt.
- Làm quen với một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe.
- Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn.

NỘI DUNG GIÁO DỤC THEO ĐỘ TUỔI

a. Phát triển vận động

Nội dung	24 – 36 tháng tuổi
1. Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp	- Hô hấp: Tập hít vào, thở ra. - Tay: giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay. - Lưng, bụng, lườn: cúi về phía trước, ***đứng thẳng người lên, ngửa người ra sau,*** nghiêng người sang hai bên, vặn người sang hai bên. - Chân: Ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân. ***Đứng nhún chân, bật tại chỗ*** ***Tập các động tác kết hợp với dụng cụ (Nơ, bóng bay..., lời bài hát, nhạc...)***

2. Các vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu	- Tập bò, trườn: + Bò thẳng hướng ***trong đường hẹp*** và có vật trên lưng + Bò chui qua cổng ***1 - 2 cổng*** + Bò, trườn qua ***1 -2*** vật cản. - Tập đi, chạy: + Đi theo hiệu lệnh ***(Nhanh, chậm, đi đều, dích dắc)*** + Đi trong đường hẹp có mang vật trên tay ***+ Đi bước qua gậy kê cao; Đi bước vào các ô*** ***+ Đi theo đường ngoằn nghèo*** ***+ Đi kết hợp với chạy*** + Chạy theo hướng thẳng + ***Chạy đổi hướng*** + Đứng co một chân ***+ Bước lên xuống bậc cao 15cm (5-7 bậc)*** ***- Bước lên xuống bậc có vịn*** - Tập nhún bật: + Bật tại chỗ. + Bật qua vạch kẻ***, bật vào vòng*** - Tập tung, ném, bắt: + Tung - bắt bóng cùng cô + Ném bóng về phía trước ***(1 tay ; 2 tay)*** + Ném bóng vào đích ***nằm ngang.***
3. Các cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay mắt	- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé. - Đóng cọc bàn gỗ - Nhón nhặt đồ vật ***theo ý thích, yêu cầu*** - Tập xâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây ***theo ý thích, yêu cầu*** - Chắp ghép hình ***5-6 hình*** - Chồng, xếp ***6-8 khối*** - Tập cầm bút tô, vẽ - Lật mở trang sách

b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

Nội dung	24 – 36 tháng tuổi
1. Tập luyện nền nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt.	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. - Tập luyện nền nếp thói quen tốt trong ăn uống ***(Ăn hết suất, không nói chuyện trong khi ăn...)*** - Luyện thói quen ngủ một giấc trưa. - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định.
2. Làm quen với một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe.	- Tập tự phục vụ: + Xúc cơm, uống nước. + Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, khi lạnh mặc áo, cởi áo khi bị ướt ***và khi nóng , biết đội mũ khi trời nắng, mưa...*** ***+ Tập chải đầu*** + Chuẩn bị chỗ ngủ. - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Tập một số thao tác trong rửa tay, lau mặt.
3. Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn.	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần. ***(Ổ điện, phích nước...)*** ***- Biết nhắc nhở các bạn không đến gần nơi nguy hiểm*** - Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh.

2. Giáo dục phát triển nhận thức

a. Luyện tập và phối hợp các giác quan

Thị giác, thính giác, xúc giác, khứu giác, vị giác.

c. Nhận biết

- Một số bộ phận cơ thể của con người.
- Một số đồ dùng, đồ chơi, phương tiện giao thông quen thuộc với trẻ.
- Một số con vật, ***cây,*** hoa, quả quen thuộc với trẻ.
- Một số màu cơ bản, kích thước, hình dạng, số lượng, vị trí trong không gian so với bản thân trẻ.
- Bản thân, những người gần gũi ***và những người xung quanh.***

NỘI DUNG GIÁO DỤC THEO ĐỘ TUỔI

Nội dung	24 – 36 tháng tuổi
1. Luyện tập và phối hợp các giác quan: Thị giác, thính giác, xúc giác, khứu giác.	- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu. - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. - Sờ nắn, nhìn, ngửi…đồ vật, hoa quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì. - Nếm vị một số thức ăn, quả (ngọt-mặn-chua***-cay -đắng).***
2. Nhận biết: - Một số bộ phận cơ thể của con người. - Một số đồ dùng, đồ chơi. - Một số phương tiện giao thông quen thuộc. - Một số con vật, hoa, quả quen thuộc - Một số mầu cơ bản- kích thước, hình dạng, số lượng, vị trí trong không gian so với bản thân trẻ. - Bản thân và những người gần gũi.	- Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân và biết cách giữ gìn chăm sóc các bộ phận trên cơ thể. - Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc phù hợp. - Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi và biết thực hiện một số luật giao thông đơn giản - Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa quả quen thuộc và bước đầu biết cách chăm sóc - Màu đỏ, vàng, xanh, mầu tím, mầu đen... - Kích thước (to-nhỏ; ***Dài – ngắn)*** - Hình tròn, hình vuông. - Vị trí trong không gian (trên-dưới, trước-sau) so với bản thân trẻ. - Số lượng (một – nhiều***, bằng nhau).*** - Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân. - Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm/lớp. - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình. - Tên và ***công việc*** của cô giáo, ***tên*** các bạn, nhóm/lớp.

3. Giáo dục phát triển ngôn ngữ

a. Nghe

- Nghe các giọng nói ***trong Tiếng Việt, nghe các loại âm thanh*** khác nhau.
- Nghe, hiểu các từ và câu chỉ đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc và một số loại câu hỏi đơn giản.
- Nghe kể chuyện, đọc thơ, ca dao, đồng dao, có nội dung phù hợp với độ tuổi.

b. Nói

- Phát âm ***rõ*** các âm khác nhau***, bắt chước một số âm thanh của con vật***.
- Trả lời và đặt một số câu hỏi đơn giản.
- ***Diễn đạt***, thể hiện nhu cầu, cảm xúc hiểu biết của bản thân bằng lời nói.

c. Làm quen với sách

- Mở sách, xem và gọi tên sự vật, hành động của các nhân vật trong tranh.

NỘI DUNG GIÁO DỤC THEO ĐỘ TUỔI

Nội dung	24 – 36 tháng tuổi
1. Nghe	Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói. - Nghe các câu hỏi: "Cái gì?"; "Làm gì?"; "Để làm gì?"; "Ở đâu?"; "Như thế nào?" - Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn.
2. Nói	- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp. - Trả lời và đặt câu hỏi: "Cái gì?"; "Làm gì?"; "Để làm gì?"; "Ở đâu?"; "Thế nào?"; "Tại sao?" - Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1 – 2 câu đơn giản, câu dài. - Đọc ***rõ ràng*** các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3- 4 tiếng. - Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý ***nhìn tranh nói tên hình ảnh trong tranh.*** - Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.
3. Làm quen với sách	- Lắng nghe khi người lớn đọc sách. - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh. ***- Biết mở sách theo cô hướng dẫn.***

4. Giáo dục phát triển tình cảm, kĩ năng xã hội và thẩm mĩ

a. Phát triển tình cảm

- Ý thức về bản thân
- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc.

b. Phát triển kĩ năng xã hội.

- Mối quan hệ tích cực với con người và sự vật gần gũi.
- Hành vi văn hóa và thực hiện các quy định đơn giản trong giao tiếp, sinh hoạt.

c. Phát triển cảm xúc thẩm mĩ

- Nghe hát, hát và vận động đơn giản theo nhạc.
- Vẽ, ***tô màu***, nặn, xé dán, xếp hình, xem tranh, ***xâu hạt.***

NỘI DUNG GIÁO DỤC THEO ĐỘ TUỔI

Nội dung	24 – 36 tháng tuổi
1. Phát triển tình cảm - Ý thức về bản thân - Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc	- Nhận biết tên gọi, ***tuổi, giới tính và*** một số đặc điểm bên ngoài của bản thân, ***nói được sở thích của mình***. - Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình. - Thực hiện được một số yêu cầu đơn giản của giáo viên. - Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận, ***sợ hãi.***
2. Phát triển kỹ năng xã hội. - Mối quan hệ tích cực với con người và sự vật gần gũi. - Hành vi văn hóa giao tiếp đơn giản	- Giao tiếp với mọi người xung quanh ***bằng lời nói, cử chỉ điệu bộ phù hợp.*** - Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn. - Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Quan tâm ***chăm sóc cây, hoa*** và các con vật nuôi, - Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, ***xin lỗi***, nói từ "dạ", "vâng ạ"; chơi cạnh bạn, không cấu bạn, ***nhường bạn trong khi chơi.*** - Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, ***không xô đẩy khi xếp hàng, cất*** lấy đồ chơi vào nơi quy định.
3. Phát triển cảm xúc thẩm mỹ. - Nghe hát, hát và vận động đơn giản theo nhạc. - Vẽ, nặn, xé dán, xếp hình, xem tranh	- Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ. - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc. - Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, ***lắp ghép*** xếp hình. - Xem tranh.

D. KẾT QUẢ MONG ĐỢI

I. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT

a. Phát triển vận động

Kết quả mong đợi	24 – 36 tháng tuổi
1. Cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.	Cân nặng, chiều cao cuối độ tuổi: + Trẻ trai: cân nặng từ 11,3 đến 18,3kg, chiều cao từ 88,7cm đến 103,5cm + Trẻ gái: Cân nặng từ 10,8 đến 18,1kg, chiều cao từ 88, 7cm đến 102,7 cm

2. Thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.	Thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục, hít thở, tay, lưng, bụng và chân. ***(có thể phối hợp với dụng cụ: nơ, bóng bay,...lời bài hát, bản nhạc)***
3. Thực hiện các vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu	3.1. Phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò: + Bò thẳng hướng ***trong đường hẹp,*** giữ được vật đặt trên lưng ***(đường hẹp rộng 30-35 cm, dài 3-5m)*** ***+ Bò chui qua từ 1-2 cổng (cao 45-50 cm, rộng 40 cm, mỗi cổng cách nhau 2,5- 3m)*** ***+ Bò, trườn qua 1-2 vật cản (cao 10-18 cm, rộng khoảng 20-25 cm)*** 3.2. Giữ được thăng bằng trong vận động đi/chạy: + Đi theo hiệu lệnh (nhanh, chậm, đi đều, dích dắc) + Đi trong đường ***hẹp có bê vật trên tay (đường hẹp dài 3-4m, rộng 20- 25 cm)*** ***+ Chạy theo hướng thẳng 5-8m*** ***+ Đứng co 1 chân (chân cao cách đất 10-15 cm, giữ được thăng bằng 2-5 giây*** ***+ Bật qua 2-3 vạch kẻ, 1 vòng (mỗi vạch kẻ cách nhau 30 cm, đường kính của vòng 30 cm).*** 3.3. Thực hiện phối hợp vận động tay- mắt; Thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: + Tung- bắt bóng với cô ở khoảng cách ***1,2- 1,7m*** + Ném xa lên phía trước bằng 1 tay, ***2 tay (khoảng cách 1,5-1,7 m)*** + Ném ***bóng*** vào đích ***(đích xa 1,2 – 1, 5m)***
4. Thực hiện vận động, cử động bàn tay, ngón tay	4.1. Vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay, thực hiện "múa khéo". 4.2. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay-mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ tổ chim; ***luồn dây***; xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ; ***tập cầm bút***

b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

Kết quả mong đợi	**24 – 36 tháng tuổi**
1. Có một số nền nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt	1.1.Thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau ***(Ăn hết suất, không nói chuyện trong khi ăn...)*** 1.2. Ngủ một giấc buổi trưa. 1.3. Đi vệ sinh đúng nơi quy định

	1.4. Có một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống sôi, rửa tay, lau miệng, uống nước sau khi ăn, vứt rác đúng nơi quy định.
2. Thực hiện một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe	2.1. Làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (Lấy nước uống, đi vệ sinh...) 2.2. Chấp nhận: Đội mũ khi ra nắng, đi giầy dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh, ***biết chải đầu...***
3. Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn	3.1. Biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng...) khi được nhắc nhở. 3.2. Biết và tránh một số hành động nguy hiểm (Leo trèo lên nan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...) khi được nhắc nhở. ***3.3. Biết nhắc nhở các bạn nhận biết và phòng tránh vật dụng và nơi nguy hiểm.***

II. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC

Kết quả mong đợi	24 – 36 tháng tuổi
1. Khám phá thế giới bằng các giác quan	- Sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.
2. Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi:	2.1. Chơi bắt chiếc một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng một số đồ dùng đồ chơi quen thuộc. 2.2. Nói được tên, ***sở thích*** của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi. ***Biết địa chỉ gia đình, biết các thành viên trong gia đình; Tên, công việc của cô giáo; tên các bạn, nhóm lớp.*** 2.3. Nói được tên và chức năng một số bộ phận cơ thể khi được hỏi. 2.4. Nói được tên và ***lợi ích*** một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả con vật quen thuộc, ***phương tiện giao thông gần gũi.*** 2.5. Chỉ/ nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi mầu đỏ, vàng, xanh***, đen, trắng*** theo yêu cầu. 2.6. Chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước ***to-nhỏ, dài – ngắn; cao-thấp*** theo yêu cầu; ***Chỉ và nói đúng tên hình tròn, hình vuông, hình tam giác, hình chữ nhật.*** ***2.7. Bước đầu xác định được vị trí không gian (trên, dưới, trước, sau so với bản thân trẻ); Số lượng (một – nhiều, bằng nhau)***

III. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

Kết quả mong đợi	24 – 36 tháng tuổi
1. Nghe hiểu lời nói	1.1.Thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động. 1.2.Trả lời một số các câu hỏi của cô, các bạn và người lớn xung quanh. 1.3.Hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: Trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật. ***1.4. Nghe các giọng nói trong Tiếng Việt, nghe các loại âm thanh.***
2. Nghe, nhắc lại các âm, các tiếng và các câu	2.1. Phát âm rõ tiếng, ***đủ câu trong Tiếng Việt*** 2.2. Đọc rõ ràng được bài thơ, ca dao đồng dao ***ngắn.*** Đọc được bài thơ, ca dao đồng dao dài, kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần với sự giúp đỡ của cô giáo. ***Nhìn tranh nói tên các hình ảnh trong tranh (Ví dụ: Các con vật, hoa, quả...)***
3. Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp	3.1. Nói được câu đơn, ***câu có 5-7 tiếng***, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc. 3.2. Sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: - Chào hỏi, trò chuyện ***bằng Tiếng Việt.*** Bầy tỏ nhu cầu của bản thân. - Hỏi về các vấn đề quan tâm như: Con gì đây? Cái gì đây?... 3.3. Nói to, đủ nghe, lễ phép.
4. Làm quen với sách	***4.1. Thích nghe khi người lớn đọc sách.*** ***4.2. Thích xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.*** ***4.3. Biết phân biệt phần đầu và cuối quyển sách.***

IV. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MỸ

Kết quả mong đợi	24 – 36 tháng tuổi
1. Biểu lộ sự nhận thức về bản thân	1.1. Nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi, ***giới tính).*** 1.2. Thể hiện điều mình thích và không thích ***bằng cử chỉ, điệu bộ và lời nói.***
2. Nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi	2.1. Biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói. 2.2. Nhận biết được trạng thái cảm xúc, vui, buồn, sợ hãi. 2.3. Biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, ***tức giận***, sợ hãi qua nét mặt cử chỉ. 2.4. Biểu lộ sự thân thiện ***với môi trường,*** một số con vật quen thuộc/ gần gũi: Bắt chiếc tiếng kêu, gọi. ***Biết chăm sóc cây, hoa và con vật gần gũi.***

3. Thực hiện hành vi xã hội đơn giản	3.1. Biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ***xin lỗi,*** vâng ạ... 3.2. Biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ ***(thao tác vai), tập sử dụng và lấy cất đồ dùng đồ chơi.*** 3.3. Chơi thân thiện cạnh trẻ khác, biết nhường bạn khi chơi, xếp hàng,... 3.4. Thực hiện một số yêu cầu của người lớn.
4. Thể hiện cảm xúc qua hát, vận động theo nhạc/tô mầu, vẽ, nặn, xếp hình, xem tranh	4.1. Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/ bản nhạc quen thuộc. 4.2. Thích tô mầu, vẽ, nặn, xé, ***lắp ghép***, xếp hình, ***xâu hạt,*** xem tranh (Cầm bút di mầu vẽ nghệch ngoạc)

E. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC HÌNH THỨC TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

I. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Hoạt động giao lưu cảm xúc

Hoạt động này đáp những nhu cầu gắn bó của trẻ với người thân***, mọi người xung quanh,*** tạo cảm xúc hớn hở, luyện tập và phát triển các giác quan, hình thành mối quan hệ ban đầu với những người gần gũi, ***mọi người xung quanh.***

2. Hoạt động với đồ vật

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu của trẻ về tìm hiểu thế giới đồ vật xung quanh, nhận biết công dụng và cách sử dụng một số đồ dùng, đồ chơi, phát triển lời nói, phát triển giác quan...đây là hoạt động chủ đạo của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi.

3. Hoạt động chơi

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu của trẻ về vận động và khám phá thế giới xung quanh, hình thành mối quan hệ với những người gần gũi , ***mọi người xung quanh***. Ở độ tuổi này, trẻ có thể chơi thao tác vai (chơi phản ánh sinh hoạt) trò chơi có yếu tố vận động, trò chơi dân gian.

4. Hoạt động chơi- tập có chủ định

Đây là hoạt động kết hợp yếu tố chơi với luyện tập có kế hoạch dưới sự ***định hướng***, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên.

Hoạt động này được tổ chức nhằm phát triển thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và những yếu tố ban đầu về thẩm mĩ.

5. Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân

Đây là hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu sinh lí, ***sức khỏe*** của trẻ, đồng thời tập cho trẻ một số nền nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt hàng ngày.

II. HÌNH THỨC TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Theo mục đích và nội dung giáo dục, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.

- Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỷ niệm những ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Tết trung thu, Tết cổ truyền, Tết thiếu nhi 1.6...)

- Tổ chức các hoạt đông Steam, trải nghiệm đơn giản.

2.Theo vị trí không gian, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động trong phòng nhóm.
- Tổ chức hoạt động ngoài trời, ***Tổ chức theo khu vực.***

3. Theo số lượng trẻ, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động cá nhân.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm nhỏ.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm lớn.

Đối với trẻ ở lứa tuổi ***24 – 36 tháng tuổi*** nên chú trọng sử dụng hình thức tổ chức hoạt động cá nhân và theo nhóm nhỏ.

III. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

1. Nhóm phương pháp tác động bằng tình cảm

- Dùng cử chỉ vỗ về vuốt ve gần gũi cùng với những điệu bộ, nét mặt, lời nói âu yếm để tạo cho trẻ những cảm xúc an toàn, tin cậy, thỏa mãn nhu cầu giao tiếp, gắn bó, tiếp xúc với người thân và môi trường xung quanh.

2. Nhóm phương pháp trực quan – minh họa

- Dùng phương tiện trực quan (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh, phim ảnh, hành động mẫu (lời nói và cử chỉ) cho trẻ quan sát, rèn luyện sự nhạy cảm của các giác quan, thỏa mãn nhu cầu tiếp nhận các thông tin từ thế giới bên ngoài. Phương tiện trực quan và hành động mẫu cần sử dụng đúng lúc và kết hợp với lời nói với các minh họa phù hợp.

3. Nhóm phương pháp thực hành

a. Hành động, thao tác với đồ vật, đồ chơi

- Tổ chức cho trẻ thao tác trực tiếp với đồ chơi, đồ vật dưới sự hướng dẫn của giáo viên (Sờ mó, cầm nắm, lắc, mở đóng***, lắp ráp, xâu vòng,*** xếp cạnh nhau, xếp chồng lên nhau…) để tiếp nhận thông tin nhận thức và hình thành các hành vi, kỹ năng.

b. Trò chơi

- Sử dụng các yếu tố chơi, các trò chơi đơn giản, thích hợp để kích thích trẻ hoạt động, mở rộng hiểu biết về thế giới xung quanh và phát triển lời nói và vận động phù hợp.

c. Luyện tập

- Tổ chức cho trẻ thực hiện lặp đi lặp lại các câu nói, động tác, hành vi, cử chỉ, điệu bộ phù hợp với yêu cầu của nội dung giáo dục và hững thú của trẻ. Lời nói của cô cần hướng đến giúp trẻ dễ dàng thực hiện các hành động, động tác luyện tập.

4. Nhóm phương pháp dùng lời nói (trò chuyện, kể chuyện, giải thích)

- Sử dụng lời nói, lời kể diễn cảm, câu hỏi gợi mở phối hợp cùng với các cử chỉ, điệu bộ phù hợp nhằm khuyến khích trẻ tiếp xúc với đồ vật và giao tiếp với người xung quanh; Bộc lộ ý muốn, chia sẻ những cảm xúc với người khác bằng lời nói và hành động cụ thể. Lời nói và câu hỏi của người lớn cần ngắn gọn, rõ ràng dễ hiểu phù hợp với kinh nghiệm của trẻ.

5. Nhóm phương pháp đánh giá nêu gương

- Ở lứa tuổi nhỏ, người lớn khen, nêu gương, tỏ thái độ đồng tình, khích lệ những việc làm, hành vi, lời nói tốt của trẻ là chủ yếu. Có thể tỏ thái độ không đồng tình, nhắc nhở khi cần thiết nhưng cần nhẹ nhàng khéo léo.

- Giáo viên phối hợi các phương pháp tạo ra sức mạnh tổng hợp tác động đến các mặt phát triển của trẻ, khuyến khích trẻ sử dụng các giác quan (Nghe, sờ, nhìn…) sử dụng lời nói và tích cực hoạt động để phát triển; Tăng cường giao tiếp, hướng dẫn cá nhân bằng lời nói, cử chỉ và hành động; Chú trọng tác động bằng tình cảm và thực hành. Giáo viên luôn là tấm gương cho trẻ noi theo.

IV. TỔ CHỨC MÔI TRƯỜNG CHO TRẺ HOẠT ĐỘNG

1. Môi trường vật chất

a. Môi trường cho trẻ hoạt động trong phòng nhóm/ lớp.

- Có các đồ dùng, đồ chơi đa dạng có mầu sắc sặc sỡ hình dạng phong phú, hấp dẫn phát ra tiếng kêu và có thể di chuyển được .
- Sắp xếp, bố chí đồ vật an toàn, hợp lý, ***phù hợp với diện tích của lớp,*** đảm bảo thẩm mĩ và đáp ứng mục đích giáo dục.
- Có khu vực để bố trí chỗ ăn, ngủ cho trẻ đảm bảo yêu cầu quy định.
- Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt có tính mở, tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và lựa chọn sự vật và đồ chơi, tham gia vào hoạt động, đồng thời thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên. Trẻ 24-36 tháng tuổi có thêm khu vực thao tác vai, chơi với đất nặn, bút vẽ, ***xem sách, tranh ảnh, hoạt động với đồ vật...***

b. Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời

- Sân chơi, thiết bị đồ chơi ngoài trời được trang bị phù hợp ***và đảm bảo an toàn*** với trẻ, sắp xếp ở khu vực gần phòng nhóm.
- Có vườn cây, bồn hoa, cây cảnh, khu vực nuôi các con vật, ***vườn cổ tích, khu phát triển vận động, khu chơi vui chơi với nước.***

2. Môi trường xã hội

- Môi trường chăm sóc, giáo dục cần phải đảm bảo an toàn về mặt tâm lý, tạo thuận lợi giáo dục các kỹ năng xã hội cho trẻ. Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo.

G. ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ

Đánh giá sự phát triển của trẻ là quá trình thu thập thông tin về trẻ một cách có hệ thống và phân tích, đối chiếu với mục tiêu của chương trình giáo dục, nhận định về sự phát triển của trẻ nhằm điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ một cách phù hợp.

I. ĐÁNH GIÁ TRẺ HÀNG NGÀY

1. Mục đích đánh giá

Đánh giá nhằm kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc giáo dục trẻ hàng ngày.

2. Nội dung đánh giá

- Tình trạng sức khỏe của trẻ.
- Trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ.
- Kiến thức, kĩ năng của trẻ.

3**. Phương pháp đánh giá:** Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ

- Quan sát
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Trao đổi với cha, mẹ/ người chăm sóc trẻ.

Hằng ngày, giáo viên theo dõi và ghi chép lại những thay đổi rõ rệt của trẻ và những điều cần lưu ý để kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc giáo dục.

II. ĐÁNH GIÁ TRẺ THEO GIAI ĐOẠN

1. Mục đích đánh giá

Xác định mức độ đạt được của trẻ ở các lĩnh vực phát triển theo từng gia đoạn trên cơ sở đó điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho giai đoạn tiếp theo.

2. Nội dung đánh giá

Đánh giá mức độ phát triển của trẻ theo giai đoạn về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kĩ năng xã hội và thẩm mĩ.

3. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ.

- Quan sát
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Trao đổi với cha, mẹ/ người chăm sóc trẻ.

Kết quả đánh giá được giáo viên lưu giữ trong hồ sơ cá nhân trẻ.

4.Thời điểm và căn cứ đánh giá

- Đánh giá cuối độ tuổi ***(24-36 tháng)*** dựa vào kết quả mong đợi.
- Đánh giá mức độ phát triển thể chất của trẻ cần sử dụng thêm chỉ số về cân nặng, chiều cao cuối độ tuổi.

Phần ba
CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẪU GIÁO

A. MỤC TIÊU

Chương trình giáo dục mẫu giáo nhằm giúp trẻ em từ 3 đến 6 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ, chuẩn bị ***kiến thức, kỹ năng, tâm thế*** cho trẻ vào học ở tiểu học.

I. PHÁT TRIỂN VỀ THỂ CHẤT

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ, ***giữ thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động***.
- Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng đúng tư thế.
- Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; Vận động nhịp nhàng, ***linh hoạt***, biết định hướng trong không gian.
- Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo, ***nhanh nhẹn, phối hợp nhịp nhàng của*** đôi bàn tay, ***đôi chân***.
- Có một số hiểu biết ***cơ bản*** về thực phẩm, ***món ăn đơn giản*** và ích lợi, ***tác hại*** của việc ăn uống ***đối*** với sức khỏe.
- Có một số kỹ năng, thói quen, ***hành vi*** tốt trong ăn uống, giữ gìn ***vệ sinh cá nhân***, sức khỏe và *đảm bảo sự an toàn* của bản thân.
- ***Thực hiện các động tác nhảy múa, võ thuật ... đơn giản.***

II. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC

- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh, *thích tìm hiểu về các phường/xã trong thành phố.*
- Có khả năng quan sát, so sánh phân loại, phán đoán, chú ý ghi nhớ có chủ định.
- Có khả năng phát hiện và giải quyết các vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.
- Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.
- Có một số hiểu biết ban đầu về con người và các sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán, *phát triển ý thức đối với các con số.*
- *Có một số hiểu biết về các công cụ và máy móc cơ bản trong cuộc sống hàng ngày, quan tâm đến sự tiện lợi của máy móc.*

III. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

- Có khả năng lắng nghe, hiểu được lời nói trong giao tiếp hàng ngày. ***Nghe hiểu một số câu, từ tiếng Anh quen thuộc.***
- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau qua lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ... ***(bằng tiếng Việt và tiếng Anh)***

- Diễn đạt rõ ràng, ***mạch lạc*** và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày.

- Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện, ***sáng tạo câu chuyện theo ý thích, khả năng của trẻ rõ ràng, mạch lạc***

- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu, ***âm điệu*** của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi ***bằng tiếng Việt và làm quen với môt số bài thơ, truyện tiếng Anh quen thuộc.***

- Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết ***chữ cái tiếng Việt, tô màu được một số biểu tượng, ký hiệu, chữ cái theo hướng dẫn bằng tiếng Anh.***

IV. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI

- Có ý thức về bản thân.

- Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm, ***cảm xúc*** đối với con người, ***trước*** các sự vật, hiện tượng xung quanh.

- Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực, ***kiên trì***.

- Có một số kỹ năng sống: Tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ, ***lắng nghe, yêu thương, nhường nhịn, giúp đỡ. Phát triển khả năng hợp tác bạn bè và làm việc nhóm với bạn khác (Reggio emilia)***

- Thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi. *Quan tâm đến đời sống kinh tế.*

- Hình thành ở trẻ một số kỹ năng cần thiết làm tiền đề cho trẻ vào lớp 1: giơ tay, nề nếp ra vào lớp, ký hiệu lớp học.

V. PHÁT TRIỂN THẨM MỸ

- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.

- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.

- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; Có ý thức giữ gìn, ***phát huy*** và bảo vệ cái đẹp.

- Tự do sáng tạo dựa trên trí tưởng tượng và hiểu biết của mình (Reggio emilia)

B. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

I. PHÂN PHỐI THỜI GIAN

- Chương trình thiết kế cho 35, tuần mỗi tuần làm việc 5 ngày ***áp dụng cho các khối lớp từ 3 đến 5 tuổi trường Mầm non Ánh Hồng.*** Kế hoạch chăm sóc, giáo dục được thực hiện theo chế độ sinh hoạt cho từng độ tuổi phù hợp với sự phát triển của trẻ và điều kiện thực tế ***của nhà trường, địa phương***.

- Thời điểm nghỉ hè, các ngày lễ tết, nghỉ học kỳ theo quy định chung của Bộ giáo dục và Đào tạo; ***SGD&ĐT tỉnh Lào Cai; Phòng GD&ĐT TP Lào Cai***.

II. CHẾ ĐỘ SINH HOẠT

- Chế độ sinh hoạt là sự phân bổ thời gian và các hoạt động trong ngày một cách hợp lý nhằm đáp ứng nhu cầu về tâm sinh lý của trẻ, qua đó giúp trẻ hình thành thái độ, nền nếp, thói quen, ***hành vi*** tốt và những kỹ năng sống tích cực.

- Ăn 1 bữa chính và 1 bữa phụ. Ngủ: 1 giấc trưa.

Thời gian	Hoạt động
80 - 90 phút	Đón trẻ, chơi, thể dục sáng
30 - 40 phút	Học
40 - 50 phút	***Chơi ngoài trời/ Hoạt động ngoại khóa/ Làm quen với Tiếng Anh, các câu lạc bộ, dịch vụ***
40 - 50 phút	Chơi - hoạt động ở các góc.
50 - 60 phút	Ăn bữa chính
140 - 150 phút	Ngủ
20 - 30 phút	Bữa phụ.
80 - 90 phút	***Chơi ngoài trời/ Hoạt động ngoại khóa/ Làm quen với Tiếng Anh/ Học vui Kidsmart/ Tham gia các câu lạc bộ, dịch vụ***
50 - 60 phút	Trẻ chuẩn bị ra về và trả trẻ.

C. NỘI DUNG

I. NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE

1. Tổ chức ăn

- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi:

+ Nhu cầu khuyến nghị năng lượng của một trẻ trong một ngày là: 1230 - 1320 Kcal.

+ Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của một trẻ trong một ngày chiếm 50 - 55% nhu cầu cả ngày: 615 - 726 Kcal.

- Số bữa ăn tại trường: 1 bữa chính và 1 bữa phụ.

+ Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30 - 35 % năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp 15 - 25% năng lượng cả ngày.

+ Tỷ lệ các chất cung các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu:

- Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13 - 20% năng lượng khẩu phần.
- Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25 - 35% năng lượng khẩu phần.
- Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52 - 60% năng lượng khẩu phần.
- Nước uống khoảng 1,6 - 2,0 lít/ ngày (kể cả nước trong thức ăn).
- Xây dựng thực đơn ***bữa ăn*** hàng ngày theo tuần, theo mùa ***phù hợp với thực tế của nhà trường, của địa phương và điều kiện của gia đình trẻ.***

2. Tổ chức ngủ

Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút).

3. Vệ sinh

- Vệ sinh cá nhân trẻ: ***Rửa tay, rửa mặt, trang phục...***
- Vệ sinh môi trường: Vệ sinh ***trong và ngoài*** phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ gìn nguồn nước và sử lý rác, nước thải.

4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn

- ***Kiểm tra*** sức khỏe định kì: ***1 lần/ năm học***. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi: ***3 lần/ năm học***. Phòng chống suy dinh dưỡng ***thể thấp còi, thể nhẹ cân***, béo phì, ***có biện pháp phục hồi dinh dưỡng cho trẻ.***
- Phòng tránh ***và xử lý*** các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng.
- Bảo vệ an toàn ***cho trẻ cả về thể chất lẫn tinh thần*** và phòng tránh, ***xử lý*** một số tai nạn, ***thương tích*** thường gặp.

II. GIÁO DỤC

1. Giáo dục phát triển thể chất

Nội dung giáo dục phát triển thể chất bao gồm: Phát triển vận động và giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe.

a. Phát triển vận động

- Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.
- Các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động.
- Các cử động bàn tay, ngón tay, ***phối hợp tay - mắt*** và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ.

b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

- Nhận biết một số món ăn ***quen thuộc***, thực phẩm thông thường và ích lợi, ***tác hại*** của chúng đối với sức khỏe.
- Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt ***hằng ngày***.
- Giữ gìn sức khỏe và *thói quen sống an toàn* ***cho bản thân***.

NỘI DUNG GIÁO DỤC THEO ĐỘ TUỔI

a. Phát triển vận động

Nội dung	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
1. Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.	- *Hô hấp:* Hít vào, thở ra: ***Thổi lá cây, dải lụa, sợi len…*** - *Tay:* + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên. + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực, ***sau lưng.*** ***+ Hai cánh tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao*** ***+ Tập với dụng cụ phát triển cơ tay tại khu PTVĐ*** ***+ Một số thế tay cơ bản của múa, võ.*** - *Lưng, bụng, lườn:* + Cúi về phía trước, ***ngả người ra sau.*** + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang phải, sang trái.	- *Hô hấp:* Hít vào thở ra: ***Thổi lá cây, dải lụa, sợi len…*** - *Tay:* + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, ***ra phía sau***, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay). + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu). ***+ Đánh xoay tròn 2 vai;*** ***+ Tập với dụng cụ phát triển cơ tay tại khu PTVĐ*** ***+ Một số thế tay cơ bản của múa, võ.*** - *Lưng, bụng, lườn:* + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang sang trái, sang phải.	- *Hô hấp:* Hít vào, thở ra: ***Thổi lá cây, dải lụa, sợi len…*** - *Tay:* + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, ***sau,*** sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân). + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. ***Luân phiên từng tay đưa lên cao.*** ***+ Đánh chéo hai tay ra phía trước, sau*** ***+ Tập với dụng cụ phát triển cơ tay tại khu PTVĐ*** ***+ Một số thế tay cơ bản của múa, võ*** - *Lưng, bụng, lườn:* + Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái. + Quay sang trái, sang phải, kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái. + Nghiêng người sang 2 bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. ***+ Tập với dụng cụ phát triển lưng, bụng, lườn tại khu PTVĐ*** ***+ Một số động tác múa, võ cơ bản***

	+ Tập với dụng cụ phát triển lưng, bụng, lườn tại khu PTVĐ ***+ Một số động tác múa, võ cơ bản*** *- Chân:* ***+ Khuỵu gối,*** bước lên phía trước, ***ra sau,*** bước sang ngang; ngồi xổm; đứng lên; ***+ Đứng nâng cao chân, gập gối.*** ***+ Bật tại chỗ; bật lên trước, lùi lại.*** + Co duỗi chân. ***+ Tập với dụng cụ phát triển cơ chân tại khu PTVĐ*** ***+ Một số thế chân cơ bản của múa, võ.***	***+ Tập với dụng cụ phát triển lưng, bụng, lườn tại khu PTVĐ*** ***+ Một số động tác múa, võ cơ bản*** *- Chân:* + Nhún chân, ***khuỵu gối*** + Ngồi xổm; đứng lên; ***ngồi nâng 2 chân duỗi thẳng.*** ***+ Bật tại chỗ, lên trước, ra sau, sang hai bên.*** + Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối. ***+ Tập với dụng cụ phát triển cơ chân tại khu PTVĐ*** ***+ Một số thế chân cơ bản của múa, võ.***	*- Chân:* + Khuỵu gối + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa 1 chân về phía trước, một chân về phía sau. ***+ Nâng cao chân gập gối.*** ***+ Bật đưa chân sang ngang, về các phía.*** ***+ Tập với dụng cụ phát triển cơ chân tại khu PTVĐ*** ***+ Một số thế chân cơ bản của múa, võ.***
2. Các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động	*- Đi và chạy* + Đi kiễng gót ***(3m-4m)*** + Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. + Đi, chạy thay đổi hướng theo đường dích dắc. + Đi trong đường hẹp; ***Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát.***	*- Đi và chạy* + Đi bằng gót chân, ***đi kiễng gót***, đi khuỵu gối, đi ***bước*** lùi. + Đi trên ghế thể dục ***đầu đội túi cát***; ***Đi bước dồn ngang trên ghế thể dục***; đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn; ***đi trên dây đặt trên sàn.*** + Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, dích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn. + Chạy ***16m*** trong khoảng 10 giây. + Chạy chậm 60- 80 m. *- Bò, trườn, trèo:*	*- Đi và chạy* + Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khụy gối. + Đi trên dây (dây đặt trên sàn), đi trên ván kê dốc + Đi nối bàn chân tiến, lùi. + Đi, chạy thay đổi tốc độ, hướng, dích dắc theo hiệu lệnh. ***Đổi hướng 4 lần.*** + Chạy ***liên tục theo hướng thẳng 19m*** trong khoảng 10 giây. ***+ Chạy và vượt qua chướng ngại vật (2-3 đồ vật)*** + Chạy chậm khoảng ***120-130m***

	- Bò, trườn, trèo: + Bò, trườn theo hướng thẳng, dích dắc. + Bò chui qua cổng. ***+ Bò trong đường hẹp*** + Trườn về phía trước. + Bước lên, xuống bục cao (cao 30***- 35cm***) *- Tung, ném, bắt:* + Lăn, đập, tung bắt bóng với cô. + Chuyền, bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc. + Ném xa bằng 1 tay; ***2 tay*** + Ném trúng đích ***(Đích nằm ngang, đích thẳng đứng)*** bằng 1 tay; *-Bật- nhảy* + Bật tại chỗ + Bật về phía trước. + Bật xa ***(25 - 30 cm)*** ***+ Bật qua vật cản (5-10cm)***	+ Bò bằng bàn tay và bàn chân ***4-5 m***. + Bò dích dắc qua ***6*** điểm + Bò chui qua cổng, ống dài 1,2 x 0,6m + Trườn theo hướng thẳng. + Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm + Trèo lên, xuống 5 gióng thang. *- Tung, ném, bắt:* + Tung bóng lên cao và bắt. + Tung bắt bóng với người đối diện. + Đập và bắt bóng tại chỗ ***liên tiếp*** + Chuyền, bắt bóng qua đầu, qua chân + Ném xa bằng 1 tay, 2 tay + Ném trúng đích ***thẳng đứng*** bằng 1 tay, ***2 tay.*** ***+ Ném trúng đích nằm ngang bằng 1 tay.*** *- Bật- nhảy:* + Bật liên tục về phía trước, ***bật liên tục vào vòng*** + Bật xa ***40- 45*** cm. + Bật nhảy từ trên cao xuống (***35-40cm***) + Bật tách, khép chân qua 5 ô. + Bật qua vật cản cao 10-15 cm. + Nhảy lò cò ***3,5m.***	*- Bò, trườn, trèo:* + Bò bằng bàn tay và bàn chân ***5m***. + Bò dích dắc qua 7 điểm. + Bò chui qua ống dài 1,5 x 0,6m + Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. + Trèo lên, xuống 7 gióng thang. *- Tung, bắt, ném:* + Tung bóng lên cao và bắt bóng ***+ Bắt và ném bóng với người đối diện khoảng cách 4,5m.*** + Tung, đập bắt bóng tại chỗ. + Đi và đập bắt bóng ***nẩy 4-5 lần*** + Chuyền, bắt bóng qua đầu qua chân ***ra sau hoặc trước***; ***Chuyền bắt bóng bên phải, bên trái;*** + Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. + Ném trúng đích ***thẳng đứng*** bằng 1 tay, 2 tay ***+ Ném trúng đích nằm ngang bằng 1 tay.*** *- Bật- nhảy* + Bật liên tục vào *7* vòng + Bật xa ***tối thiểu 50cm***. + Bật-nhảy từ trên cao xuống(40-45cm). + Bật tách chân, khép chân qua 7 ô. + Bật qua vật cản cao ***20-25cm.*** + Nhảy lò cò ***6m***

3. Các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay- mắt và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ	- Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay, ***vo, xoắn.*** - Đan, tết.. - Xếp chồng các hình khối khác nhau. - Xé, dán giấy; sử dụng kéo, bút. - Tô, vẽ nguệch ngoạc. - Cài, cởi cúc, ***tập đi giày, cài dép.*** ***- Xếp chồng 8-10 khối theo mẫu.*** ***- Các động tác múa tay cơ bản*** ***- Phối hợp tay chân trong bài tập võ thuật***	- Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gắn, nối,... ***- Xoay tròn cổ tay, gập đan ngón tay vào nhau*** - Gập giấy. - Lắp ghép hình, ***xây dựng*** - Xé, cắt đường thẳng, ***vòng cung*** - Tô, vẽ hình ***người, nhà, cây, con vật, một số cảnh vật đơn giản...*** ***- Xếp chồng 10-12 khối theo mẫu. Tết sợi đôi.*** - Cài, cởi cúc, xâu, buộc dây... ***- Các động tác múa tay cơ bản*** ***- Phối hợp tay chân trong bài tập võ thuật***	- Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay. - Bẻ, nắn. - Lắp ráp. - Xé, cắt đường vòng cung. - Tô, ***vẽ*** đồ theo nét, ***sao chép các chữ cái, chữ số.*** - Cài, cởi cúc, kéo khóa (phéc mơ tuya), xâu, luồn, buộc dây. ***- Xếp chồng 10-12 khối theo mẫu.*** ***- Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu.*** ***- 05 động tác múa tay cơ bản*** ***- Phối hợp tay chân trong bài tập võ thuật***

b.Giáo dục sức khỏe

Nội dung	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
1.Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường ích lợi của chúng đối với sức khỏe	- Nhận biết một số thực phẩm ***trên tháp dinh dưỡng*** và món ăn quen thuộc. - Nhận biết ***cách*** chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn ***hàng ngày***	- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng ***và thực tế địa phương).*** - Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn.	- Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm. ***- Biết được một số thực phẩm của địa phương.*** - Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.
	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và lợi ích của ăn uống đủ lượng, đủ chất, ***hợp lý, sạch sẽ.*** - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).		

2.Tập làm một số việc đơn giản, tự phục vụ trong sinh hoạt	- Làm quen cách đánh răng, lau mặt. - Tập rửa tay bằng xà phòng ***theo 6 bước.*** - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh ***và đi vệ sinh đúng nơi qui định.*** ***- Bỏ rác đúng nơi quy định.*** ***- Lấy và cất đồ dùng cá nhân đúng nơi quy định.***	- Tập đánh răng, lau mặt. - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng ***theo 6 bước.*** - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. ***- Biết thay quần áo khi bị ướt, bẩn*** ***- Có nền nếp trong sinh hoạt vệ sinh. Cầm bát, thìa, ăn cơm không rơi vãi.*** ***- Lấy và cất đồ dùng cá nhân đúng nơi quy định.***	- Tập luyện kĩ năng: đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách. ***- Có kỹ năng, nền nếp trong vệ sinh cá nhân và tự phục vụ.*** ***- Biết sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo.*** ***- Lấy và cất đồ dùng cá nhân đúng nơi quy định***
3. Giữ gìn sức khỏe và an toàn	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe, ***vệ sinh.*** - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.		
	- Coi trọng và bảo vệ cơ thể mình và cơ thể người khác. - Nhận biết trang phục theo thời tiết - Nhận biết một số biểu hiện ***thông thường*** khi ốm.	*- Đánh giá cao cơ thể mình và cơ thể của người khác, cấm người khác chạm vào cơ thể.* - Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản	*- Cấm người khác chạm vào cơ thể mình mà không rõ lý do,* ***nhận biết quy tắc 5 ngón tay.*** - Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm ***(Đau bụng, sốt ho, đau hoặc chảy máu)***, nguyên nhân và cách phòng tránh.
	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. ***Nhận biết và biết cách phòng chống một số dịch bệnh.*** - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.		

2. Giáo dục nhận thức

a. Khám phá khoa học

- Các bộ phận của cơ thể con người, *sự sinh ra và lớn lên của một con người.*
- Đồ vật; ***Phương tiện giao thông***

- Động vật và thực vật.
- Một số hiện tượng tự nhiên.
- *Một số công cụ và máy móc cơ bản trong cuộc sống hàng ngày.*
- ***Thế giới xung quanh trẻ và các vật liệu thật thay đổi ứng dụng theo phương pháp Reggio emilia. Thực hiện dự án Steam theo từng chủ đề.***

b. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán

- Tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm. *Trải nghiệm phép cộng và phép trừ với các đồ vật cụ thể.*
- Xếp tương ứng.
- So sánh, sắp xếp theo quy tắc.
- Đo lường.
- Hình dạng.
- Định hướng trong không gian và định hướng thời gian.

c. Khám phá xã hội

- Bản thân, gia đình, họ hàng và cộng đồng;
- Trường mầm non; ***trường tiểu học.***
- Một số nghề phổ biến; ***Luật lệ giao thông đơn giản.***
- *Tên các phường/xã trên địa bàn thành phố Lào Cai.* ***Quê hương, đất nước***, ***Bác Hồ***.
- Danh lam, thắng cảnh và các ngày lễ hội.
- ***Thực hiện dự án Steam theo từng chủ đề***

NỘI DUNG GIÁO DỤC THEO ĐỘ TUỔI

a. Khám phá khoa học

Nội dung	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
1. Các bộ phận của cơ thể con người	- Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể.	- Chức năng của các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể *- Sự sinh ra và lớn lên của một con người*	
	- Thực hiện dự án STEAM		

<table>
<tr><td rowspan="3">2. Đồ vật
- Đồ dùng, đồ chơi.
- Công cụ và máy móc
- Phương tiện giao thông</td><td>- Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.</td><td colspan="2">- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.
- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.
- Các công cụ và máy móc cơ bản trong cuộc sống hàng ngày. Sự tiện lợi của dụng cụ và máy móc</td></tr>
<tr><td>- Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.</td><td>- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2-3 đồ dùng, đồ chơi.
- Phân loại đồ dùng đồ chơi theo 1-2 dấu hiệu.
- Đặc điểm, công dụng, động cơ hoạt động của một số PTGT và phân loại theo 1-2 dấu hiệu.</td><td>- So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng.
- Phân loại đồ dùng đồ chơi theo 2-3 dấu hiệu.
- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2-3 dấu hiệu.</td></tr>
<tr><td colspan="3">- Thực hiện các dự án STEAM</td></tr>
<tr><td rowspan="3">3. Động vật và thực vật</td><td rowspan="2">- Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc.
- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi.
- Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng.</td><td>- Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại, đối với con người.
- So sánh sự khác nhau và giống nhau của hai con vật, cây, hoa, quả.
- Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1- 2 dấu hiệu.</td><td>- Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả.
- Quá trình phát triển của cây, con vật; điều kiện sống của 1 số loại cây, con vật.
- So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vậy, cây, hoa, quả.
- Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2-3 dấu hiệu.</td></tr>
<tr><td colspan="2">- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây, hoa với môi trường sống.
- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây, hoa.</td></tr>
<tr><td colspan="3">- Thực hiện các dự án STEAM</td></tr>
</table>

<table>
<tr><td rowspan="4">4. Một số hiện tượng tự nhiên
- Thời tiết, mùa

-Ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng
- Nước

- Không khí, ánh sáng

- Đất đá, cát, sỏi</td><td>- Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ.

- Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm.

- Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày.
- Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây.
- Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày.
- Học vui cùng Kidsmart</td><td>- Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người.

- Sự khác nhau giữa ngày và đêm.

- Học vui cùng Kidsmart</td><td>- Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự của các mùa trong năm.
- Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật, cây theo mùa
- Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng.
- Học vui cùng Kidsmart</td></tr>
<tr><td colspan="3">- Các nguồn nước trong môi trường sống.
- Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây.
- Một số đặc điểm, tính chất của nước.
- Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.
- Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.
- Học vui cùng Kidsmart</td></tr>
<tr><td colspan="3">- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi
- Thực hiện dự án STEAM và trải nghiệm theo phương pháp Reggio emilia</td></tr>
</table>

d. Làm quen một số khai niệm sơ đẳng về toán

<table>
<tr><th>Nội dung</th><th>3-4 tuổi</th><th>4-5 tuổi</th><th>5-6 tuổi</th></tr>
<tr><td rowspan="3">1. Tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm</td><td>- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng.
- 1 và nhiều.</td><td>- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.
- Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5 bằng tiếng Việt và tiếng Anh
- Trải nghiệm phép cộng và trừ trong phạm vi 5 với các đồ vật cụ thể.</td><td>- Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.
- Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10
- Gộp/tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.
- Trải nghiệm phép cộng và phép trừ trong phạm vi 10 với các đồ vật cụ thể.
- Cộng nhẩm trong phạm vi 10</td></tr>
<tr><td colspan="2">- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm.
- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.</td></tr>
<tr><td>- Học vui cùng Kismart</td><td colspan="2">- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe...). Học vui cùng Kismart</td></tr>
</table>

2. Xếp tương ứng	Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi. ***- Học vui cùng Kismart***		Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan. ***- Học vui cùng Kismart***
3. So sánh, xắp sếp theo quy tắc	- So sánh hai đối tượng về kích thước. - Xếp xen kẽ.	- So sánh và phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc. ***- Học vui cùng Kismart***	- Tạo ra quy tắc sắp xếp. ***- Học vui cùng Kismart***
4. Đo lường		- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo. - Đo dung tích một vật bằng một đơn vị đo.	- Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau. - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.
5.Hình dạng	- Nhận biết, gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. - Sử dụng các hình hình học để chắp ghép. ***- Học vui cùng Kismart***	- So sánh sự khác và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.	- Nhận biết, gọi tên, ***so sánh*** khối cầu, khối trụ khối vuông, khối chữ nhật, và nhận dạng các khối đó trong thực tế.
		- Chắp ghép các hình hình học***, các vật liệu khác nhau*** để tạo thành các hình mới theo yêu cầu và theo ý thích. ***- Học vui cùng Kismart***	
			Tạo ra một hình hình học bằng các cách khác nhau.
6. Định hướng trong không gian và định hướng thời gian	- Nhận biết phía trên- phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải- tay trái của bản thân. ***- Học vui cùng Kismart***	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trên- phía dưới, phía trước-phía sau, phía phải- phía trái). - Nhận biết các buổi sáng, trưa, chiều, tối. ***- Học vui cùng Kismart***	- Xác định vị trí của đồ vật (***phía trong - phía ngoài***, phía trên - phía dưới, phía phải phía trái) so với bản thân trẻ, so với bạn khác và so với một vật chuẩn - Nhận biết, ***phân biệt*** được hôm qua, hôm nay, ngày mai ***qua các sự kiện hàng ngày.*** - Gọi tên ***các ngày trong tuần theo thứ tự.*** ***- Nói được ngày trên đốc lịch và giờ trên đồng hồ.*** ***- Học vui cùng Kismart***

b. Khám phá xã hội

<table>
<tr><th>Nội dung</th><th>3-4 tuổi</th><th>4-5 tuổi</th><th>5-6 tuổi</th></tr>
<tr><td rowspan="2">1. Bản thân, gia đình, trường mầm non, trường tiêu học, cộng đồng</td><td>- Tên, tuổi, giới tính, sở thích của bản thân .
- Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình. Địa chỉ gia đình.

-Tên trường, lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo.

- Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường.</td><td>- Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân.
- Họ tên, công việc, của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình. Địa chỉ của gia đình.

- Tên, địa chỉ của trường, lớp mầm non. Tên và công việc của các cô, các bác trong trường mầm non.
- Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.</td><td>- Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình.
- Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố mẹ; số điện của bố/ mẹ, sở thích của các thành viên trong gia đình; quy mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn); Nhu cầu của gia đình, địa chỉ gia đình.
- Những đặc điểm nổi bật của trường, lớp mầm non; công việc của các cô, các bác trong trường mầm non.

- Họ tên, đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.
- Trẻ biết tên trường, một số hoạt động, một số đồ dùng của trường tiểu học</td></tr>
<tr><td colspan="3">- Thực hiện dự án STEAM</td></tr>
<tr><td rowspan="2">2. Một số nghề trong xã hội - luật lệ giao thông</td><td>- Tên gọi, sản phẩm, ích lợi của một số nghề phổ biến.
- Một số luật lệ giao thông đường bộ đơn giản</td><td colspan="2">- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống ở địa phương.
- Trẻ biết một số luật lệ giao thông đơn giản. Tìm hiểu một số luật lệ giao thông đường bộ.</td></tr>
<tr><td colspan="3">- Thực hiện dự án STEAM</td></tr>
</table>

3. *Quê hương đất nước*, danh lam thắng cảnh, các ngày lễ hội, sự kiện văn hóa. *Bác Hồ.*	- Cờ Tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ, hội của địa phương. *- Tìm hiểu về phường/ xã nơi trẻ sinh sống.* ***- Trẻ biết Bác Hồ là lãnh tụ Việt Nam, tình cảm của Bác Hồ với các cháu thiếu nhi***	- Cờ tổ quốc, tên, đặc điểm nổi bật của di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của ***địa phương***, quê hương, đất nước *- Tìm hiểu về phường/xã trong địa bàn thành phố Lào Cai* ***- Trẻ biết Bác Hồ là lãnh tụ Việt Nam, tình cảm của Bác Hồ với các cháu thiếu nhi. Biết địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (Quê Hương, nơi làm việc, lăng Bác...)***
	Thực hiện dự án STEAM. Hoạt động trải nghiệm (các ngày lễ hội: Trung Thu, noel, tết nguyên đán, giã ngoại...) thông qua các hoạt động trải nghiệm thực tế theo phương pháp Reggio emilia.	

3. Giáo dục phát triển ngôn ngữ

a. Nghe

- Nghe các từ chỉ người, sự vật hiện tượng, đặc điểm, tính chất, hoạt động và các từ biểu cảm, từ khái quát:
- Nghe lời nói trong giao tiếp hàng ngày
- Nghe kể chuyện, đọc thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.
- ***Trẻ làm quen với Tiếng Anh nghe, hiểu từ, câu đơn giản theo chủ đề, nghe hiểu được nội dung bài thơ, truyện tranh, bài hát rất đơn giản, phù hợp với lứa tuổi.***

b. Nói

- Phát âm rõ các tiếng trong Tiếng Việt.
- Bầy tỏ nhu cầu, tình cảm và hiểu biết của bản thân bằng các loại câu khác nhau.
- Sử dụng đúng từ ngữ và câu trong giao tiếp hàng ngày. Trả lời và đặt câu hỏi.
- Đọc thơ, ca dao, đồng dao và kể chuyện ***bằng các hình thức: đọc to, nhỏ, thầm, nhẩm.***
- ***Thể hiện được nhiều ngôn ngữ khác nhau thông qua các sản phẩm được trẻ tạo ra theo phương pháp Reggio emilia***
- ***Làm quen với Tiếng Anh: Trẻ phát âm đúng các từ, câu, trả lời câu hỏi đơn giản theo chủ đề, nội dung thơ truyện. Đọc theo được thành tiếng một số từ thông dụng rất đơn giản, phù hợp với lứa tuổi. Nhắc lại được từ chỉ số đếm.***

c. Làm quen với việc đọc, viết

- Làm quen với cách sử dụng sách, bút.
- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống.
- Làm quen với chữ viết, với việc đọc sách, ***làm quen với ký hiệu đọc và lấy đồ dùng, vở ôly của học sinh lớp 1.***

NỘI DUNG GIÁO DỤC THEO ĐỘ TUỔI

<table>
<tr><th>Nội dung</th><th>3-4 tuổi</th><th>4-5 tuổi</th><th>5-6 tuổi</th></tr>
<tr><td rowspan="3">1. Nghe</td><td>- Hiểu từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc.
- Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản.
- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu ghép các giọng nói biểu cảm khác nhau.</td><td>- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm.
- Nghe, hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu</td><td>- Hiểu các từ khái quát, các từ trái nghĩa
- Nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến 3,4 hành động
- Thực hiện được các yêu cầu khi tham gia các hoạt động tập thể.</td></tr>
<tr><td colspan="2">- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức</td></tr>
<tr><td colspan="3">- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc, nghe hiểu nội dung truyện tranh bằng tiếng Anh phù hợp với độ tuổi
- Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè, các bài thơ đơn giản bằng tiếng Anh phù hợp với độ tuổi
- Nghe, hiểu các từ, câu đơn giản bằng tiếng Anh phù hợp với độ tuổi, chủ đề.</td></tr>
<tr><td>2. Nói</td><td>- Phát âm các tiếng của tiếng Việt.
- Phát âm một số từ, nói được một số câu đơn giản, trả lời được một số câu hỏi đơn giản, nghe và nhắc lại được từ chỉ số từ 1 đến 3 bằng Tiếng Anh.
- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng, câu ghép.
- Trả lời và đặt các câu hỏi:“Ai?”, “Cái gì?”, “Ở đâu?”, “Khi nào?”, “Để làm gì?”, “Vì sao?”, “Như thế nào?”</td><td>- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó
- Phát âm một số từ, nói được một số câu đơn giản, trả lời được một số câu hỏi đơn giản nghe và nhắc lại được từ chỉ số từ 1 đến 5 bằng tiếng Anh.
- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép.
- Trả lời và đặt các câu hỏi: “Ai?”; “Cái gì?”; “Ở đâu?”; “Khi nào?”; “Để làm gì?”</td><td>- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu.
- Phát âm từ và câu tiếng Anh đơn giản, trả lời được một số câu hỏi. Nghe và nhắc lại được từ chỉ số từ 1 đến 10 bằng tiếng Anh.
- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép, khác nhau trong giao tiếp.
- Trả lời rõ ràng các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: Tại sao?;Có gì giống nhau?;Có gì khác nhau?; “Do đâu mà có?”
- Đặt các câu hỏi: “Tại sao?”; “Như thế nào?”; “Làm bằng gì?”
- Nói rõ ràng, mạch lạc, có trình tự các từ, câu trong giao tiếp thông qua một số hoạt động:hội thi, trò chơi, trải nghiệm</td></tr>
</table>

<table>
<tr><td rowspan="5"></td><td>- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép</td><td>- Sử dụng đúng các từ biểu thị sự lễ phép</td><td>- Sử dụng đúng các từ biểu cảm, hình tượng</td></tr>
<tr><td colspan="3">- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp
- Đọc thơ, ca dao, đồng giao, tục ngữ, hò vè. Nhắc lại, đọc theo được một số bài vần, bài thơ bằng tiếng Anh đơn giản, phù hợp với lứa tuổi.</td></tr>
<tr><td rowspan="2">- Nhớ tên và nội dung câu chuyện, kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe.
- Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ. Kể lại sự việc.
- Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên.</td><td>- Kể lại truyện đã được nghe

- Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh
- Kể lại sự việc có nhiều tình tiết</td><td>- Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự
- Kể lại truyện rõ ràng theo đồ vật, theo tranh.
- Kể lại sự việc theo trình tự.</td></tr>
<tr><td colspan="2">- Đóng kịch
- Kể truyện sáng tạo: theo tranh, theo chủ đề</td></tr>
<tr><td colspan="3">Nghe hiểu được nội dung truyện tranh rất đơn giản, phù hợp với lứa tuổi và trả lời câu hỏi về một số tình tiết rất đơn giản của truyện bằng tiếng Anh.</td></tr>
<tr><td rowspan="4">3. Làm quen đọc viết</td><td colspan="3">- Làm quen và nhận biết một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống(nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường dành cho người đi bộ….) bằng tiếng Việt và tiếng Anh</td></tr>
<tr><td>- Tiếp xúc với chữ, sách truyện</td><td>- Nhận dạng một số chữ cái
- Tập tô, tập đồ các nét chữ</td><td rowspan="2">- Nhận dạng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt ở mọi lúc, mọi nơi.
- Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình
- Nhận dạng một số chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt bằng tiếng Anh
- Tô màu một số nét, chữ cái, từ tiếng Anh quen thuộc</td></tr>
<tr><td colspan="2">- Tô màu được một số biểu tượng, kí hiệu theo hướng dẫn bằng tiếng Anh</td></tr>
<tr><td colspan="3">- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. Giữ gìn và bảo vệ sách.
- Làm quen với cách đọc (Cá nhân, đôi, tổ, lớp, đọc to, nhỏ, nhẩm, thầm) và viết (Giữ khoảng cách giữa mắt với vở khoảng 25cm) tiếng Việt, tiếng Anh:
+ Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới
+ Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu</td></tr>
</table>

	- Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và "đọc" truyện. - Giữ gìn, ***yêu thích*** sách.	- Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. Biết lật từng trang sách theo thứ tự từ đầu đến cuối ***- Xem tranh ảnh, minh họa và đọc theo thành tiếng từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hiện tượng, hành động trong phạm vi từ vựng được làm quen bằng tiếng Anh*** - "Đọc" truyện qua các tranh vẽ, ***sách truyện.*** ***- Sử dụng các ký hiệu để "viết": tên, làm thiệp chúc mừng…*** - Giữ gìn và bảo vệ sách, ***thích "đọc" sách, xem truyện.***

4.Giáo dục phát triển tình cảm và kĩ năng xã hội

a. Phát triển tình cảm.

- Ý thức, ***trách nhiệm*** về bản thân.
- Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh.
- ***Trẻ biết quan tâm, chia sẻ đến người khác bằng lời nói, cử chỉ, hành động***.

b. Phát triển kỹ năng xã hội.

- Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non cộng đồng gần gũi.
- ***Có ý thức thực hiện công việc được giao đến cùng.***
- Quan tâm, ***có thức giữ gìn*** bảo vệ môi trường.
- *Quan tâm đến đời sống kinh tế.*
- ***Thực hiện một số quy tắc, ký hiệu, biển chỉ dẫn bằng tiếng Anh.***

NỘI DUNG GIÁO DỤC ĐỘ TUỔI

Nội dung	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
1. Phát triển tình cảm ***- Ý thức về bản thân***	- Tên, tuổi, giới tính ***của bản thân*** - Những điều bé thích, bé không thích.	***- Họ*** tên, tuổi, giới tính của mình, của bạn. - Sở thích, khả năng của bản thân. ***- Hoàn thành công việc đơn giản được giao, chủ động và độc lập trong một số hoạt động.***	- **Họ tên, tuổi**, giới tính, sở thích, khả năng của bản thân. ***- Tên của bố mẹ, anh chị em.*** - Điểm giống và khác nhau của mình với người khác

	- Thực hiện một số công việc đơn giản được giao	***- Biết chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích. Biết tuân thủ luật chơi, cất, dọn đồ dùng, đồ chơi vào đúng nơi quy định.***	- Vị trí, trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học. - Thực hiện công việc được giao ***một cách vui vẻ cho đến khi hoàn thành***(trực nhật, xếp, ***thu dọn đồ dùng***, đồ chơi...); ***Biết giúp đỡ bố mẹ, cô giáo và người khác những công việc vừa sức.*** - Chủ động và độc lập trong một số hoạt động. - Mạnh dạn tự tin bày tỏ ý kiến ***của mình.*** - Thực hiện công việc được giao ***một cách vui vẻ cho đến khi hoàn thành*** (trực nhật, xếp đồ chơi...).
- Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ***ngạc nhiên, xấu hổ***) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, ***trò chơi, âm nhạc.*** - Biểu lộ trạng thái cảm xúc, qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; - Kính yêu Bác Hồ.	- Nhận biết ***và nói được*** một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, ***xấu hổ***) qua nét mặt, cử chỉ, ***điệu bộ***, giọng nói ***tiếp xúc trực tiếp***, tranh ảnh, ***bài hát, trò chơi.*** - Biểu lộ trạng thái cảm xúc tình cảm phù hợp qua cử chỉ, ***hành động,*** giọng nói khi tiếp, qua trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình. - Kính yêu ***và biết ơn*** Bác Hồ, ***- Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua bài hát, bài thơ, cùng cô kể truyện về Bác Hồ***	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, ***điệu bộ***, cử chỉ, giọng nói ***khi tiếp xúc trực tiếp***, tranh ảnh, âm nhạc. - Bày tỏ tình cảm, ***thái độ*** phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau. - Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác. ***- Thể hiện trạng thái, cảm xúc, tích cực, kiềm chế cảm xúc, hành động tiêu cực.*** - Kính yêu và biết ơn Bác Hồ. ***Làm theo 5 điều Bác dạy. Học tập những đức tính tốt đẹp của Bác.***

	- Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước. ***- Yêu quê hương đất nước***	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội, của ***địa phương*** quê hương đất nước. ***- Yêu và tự hào về quê hương, đất nước.***	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của ***địa phương*** quê hương đất nước. ***- Yêu và tự hào về quê hương, đất nước.***
2. Phát triển kĩ năng xã hội ***- Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội***	- Một số quy định ở lớp, gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ). - Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn). - Chờ đến lượt. - Yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột. - Chơi hòa thuận với bạn - Nhận biết hành vi "đúng-sai", "tốt-xấu". ***- Tham gia các hoạt động ngoại khóa. Ngày hội Steam..*** *- Hiểu tiền là cần thiết để mua hàng*	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường). - Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép ***trong giao tiếp hàng ngày.*** - Chờ đến lượt, hợp tác, ***chia sẻ***. - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình. - Quan tâm, giúp đỡ bạn. - Phân biệt hành vi "đúng"-"sai", "tốt"-"xấu"." ***Thể hiện sự ăn năn, xấu hổ, lo lắng khi phạm lỗi và nói lời xin lỗi.*** ***- Trẻ mạnh dạn, tự tin khi tham gia các hoạt động.*** *- Hiểu tiền là cần thiết để mua hàng* *- Biết tiết kiệm và chăm sóc của cải*	- Một số quy định, ***quy tắc*** ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường). - Lắng nghe ư kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép, lịch sự. - Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận, nhường nhịn. - Yêu mến, quan tâm, đến người thân trong gia đình. ***- Nhận ra trách nhiệm của mình đối với gia đình, tập thể và nơi công cộng***. - Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn. - Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi "đúng"- " sai", " tốt" -"xấu" ***- Biết và thực hiện theo "quy tắc 5 ngón tay" để phòng tránh nguy cơ xâm hại tình dục.*** ***- Trẻ mạnh dạn, tự tin khi tham gia hoạt động.*** *- Biết tiết kiệm và chăm sóc của cải* *- Tái chế các mặt hàng có thể tái sử dụng* *- Lập kế hoạch trước để mua các mặt hàng cần thiết*
- Quan tâm đến đời sống kinh tế	- Tiết kiệm điện, nước. - Bảo vệ, chăm sóc con vật, cây cối	- Tiết kiệm điện, nước.	- Tiết kiệm điện, nước ***và biết nhắc nhở người khác cùng thực hiện.***

- Quan tâm đến môi trường	- Giữ gìn vệ sinh môi trường ***(bỏ rác đúng nơi quy định...)*** ***- Thực hiện dự án STEAM***	- Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối. - Giữ gìn vệ sinh môi trường ***(phân loại và bỏ rác đúng nơi quy định...).*** ***- Thực hiện dự án STEAM***	- Bảo vệ, chăm sóc con vật, cây cối... ***- Phân loại và bỏ rác đúng nơi quy định*** ***- Cùng bạn thực hiện*** giữ gìn vệ sinh môi trường. ***- Thực hiện dự án STEAM***

5. Giáo dục phát triển thẩm mỹ

a. Cảm nhận thể hiện và ***bộc lộ*** cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống gần gũi xung quanh trẻ và trong các tác phẩm nghệ thuật.

b. Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc (Nghe, hát, vận động theo nhạc) và hoạt động tạo hình (vẽ, nặn, cắt, xé, dán, xếp hình).

c. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia hoạt động nghệ thuật (Âm nhạc, tạo hình), ***Giữ gìn, bảo vệ cái đẹp và và giữ gìn sản phẩm của mình, của bạn***. ***Hoạt động Steam hoạt động trải nghiệm, Hoạt động Múa.***

NỘI DUNG GIÁO DỤC THEO ĐỘ TUỔI

Nội dung	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật	***- Chú ý nghe,*** bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật	- Thể hiện thái độ ***(Tán thưởng chăm chú lắng nghe, hưởng ứng, thích thú…)*** tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc, và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật
2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình	- Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca)	- Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca)	- Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau(nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển) - Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc
		- Hát đúng giai điệu, ***nhịp điệu,*** lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát	

	- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát - Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. ***- Tập các bài Erobic, các động tác múa cơ bản, các bài múa mầm non…*** - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp. - Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm. - Sử dụng một số kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo thành sản phẩm đơn giản. - Nhận xét sản phẩm tạo hình	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc . ***- Tập các bài Erobic, các động tác múa cơ bản, các bài múa mầm non…*** - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu chậm. ***Sử dụng sáng tạo các đồ dùng, dụng cụ bất kỳ tạo ra các âm thanh khác nhau.*** - Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm. - Sử dụng các kĩ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét. - Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng / đường nét.	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc ***- Tập các bài Erobic, các động tác múa cơ bản, các bài múa mầm non…*** - Sử dụng ***thành thạo*** các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu ***chậm, nhanh, phối hợp***. ***Sử dụng sáng tạo từ các đồ dùng, dụng cụ bất kỳ gõ vào nhau tạo ra các âm thanh khác nhau mọi lúc, mọi nơi.*** - Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm. - Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo thành sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét và bố cục. ***- Pha các màu nước cơ bản với nhau để sử dụng và tạo ra các sản phẩm tạo hình.*** - Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/đường nét và bố cục.
3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia hoạt động nghệthuật (âm nhạc, tạo hình)	- Vận động theo ý thích khi hát/nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc. ***- Thể hiện được các các bài múa uyển chuyển theo lời bài hát phù hợp với độ tuổi*** - Tạo ra sản phẩm đơn giản, theo ý thích.	- Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc. - Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ, đệm, theo nhịp điệu bài hát. ***- Thể hiện các bài múa uyển chuyển theo lời bài hát*** - Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích	- Tự nghĩ ra ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích. - Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc(một câu hoặc 1 đoạn) ***- Thể hiện các bài múa uyển chuyển theo lời bài hát***

	- Nói được tên sản phẩm của mình	***- Sáng tạo ra sản phẩm từ nguyên vật liệu thiên nhiên địa phương.***	- Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích. ***- Sáng tạo ra sản phẩm từ nguyên vật liệu thiên nhiên, địa phương***
		- Nói lên ý tưởng tạo hình, sản phẩm của mình	
	- Sáng tạo trong hoạt động STEAM, sáng tạo các sản phẩm tạo hình bằng các nguyên vật liệu tự nhiên theo phương pháp Reggio emilia - Đặt tên cho tác phẩm tạo hình, tác phẩm nghệ thuật. ***- Giữ gìn bảo vệ cái đẹp và giữ gìn sản phẩm của mình, của bạn*** ***- Trẻ tham gia các câu lạc bộ: mỹ thuật, erobic...***		

D. KẾT QUẢ MONG ĐỢI

I. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT

a. Phát triển vận động

Nội dung	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
1. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp	- Thực hiện đủ các động tác trong bài thể dục theo hướng dẫn, ***theo lời ca, Erobic kết hợp với sử dụng dụng cụ thể dục***	**-** Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh, ***theo lời ca, Erobic kết hợp với sử dụng dụng cụ thể dục (nơ, gậy, vòng).***	Thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/bài hát, ***Erobic kết hợp với sử dụng dụng cụ thể dục (nơ, gậy, vòng)***. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.
2. Thể hiện được kỹ năng vận động cơ bản và các tố chất trong vận động	2.1. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện được vận động: - Đi hết đoạn đường hẹp; ***Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát***. - Đi kiễng gót liên tục ***(3-4m)***	2.1. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện được vận động: - Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng, ***dích dắc*** trên sàn, ***đi trên dây đặt trên sàn.*** ***- Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát; Đi bước dồn ngang trên ghế thể dục.*** - Đi bước lùi liên tiếp khoảng ***3,5 m; Đi bằng gót chân, đi kiễng gót, đi khụy gối.***	2.1.Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện được vận động: ***- Đi trên dây đặt trên sàn dây dài 4m***; đi lên, xuống trên ván dốc dài ***một đầu kê cao 0,3-0,5m.*** ***- Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục.*** ***- Đi khuỵu gối 2m, đi mép ngoài bàn chân kết hợp với đi thường.*** ***- Đi nối bàn chân tiến lùi.***

	- Bước lên xuống bục cao 30-35cm. 2.2. Kiểm soát được vận động: - Đi/ chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh - Đi/ Chạy liên tục trong đường dích dắc không chệch ra ngoài ***(4-5 điểm dích dắc),*** hướng thẳng. 2.3. Phối hợp tay- mắt trong vận động - Tung bắt bóng với cô: Bắt được ***4 lần liền không rơi bóng (Khoảng cách 3m)*** - Tự đập- bắt bóng được ***4*** lần liền ***(Đường kính bóng là 20cm)*** ***- Chuyền, bắt bóng 2 bên theo hàng dọc, hàng ngang.*** ***- Ném xa bằng 1 tay theo hướng thẳng*** 2.4. Thể hiện nhanh mạnh khéo léo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy được ***16m*** liên tục theo hướng thẳng - Ném trúng đích nằm ngang ***bằng 1 tay*** (xa 1,7m)	2.2. Kiểm soát được vận động: - Đi/ chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn ***(5-6)*** vật chuẩn đặt dích dắc. 2.3. Phối hợp tay-mắt trong vận động: - Tung bắt bóng với người đối diện (cô/bạn): bắt được ***4 lần*** liền không rơi bóng (khoảng cách ***3,5m***) - Tự đập, bắt bóng được ***5-6*** lần liên tiếp. ***- Chuyền, bắt bóng 2 bên theo hàng dọc, hàng ngang.*** - Ném trúng đích thẳng đứng bằng 1 tay, 2 tay ***(xa 1,7m x cao 1,5m).*** ***- Ném xa bằng 1 tay, 2 tay theo hướng thẳng.*** 2.4. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy liên tục theo hướng thẳng ***16m trong 10 giây.*** - Ném trúng đích ***nằm*** ngang bằng 1 tay ***(xa 2,5m)***	- Đứng một chân và giữ thẳng người trong ***10-12*** giây. 2.2. Kiểm soát được vận động: - Đi/chạy thay đổi hướng/***tốc độ/ dích dắc*** theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất ***4 lần).*** 2.3. Phối hợp tay- mặt trong vận động: - Bắt và ném bóng với người đối diện ***(khoảng cách 4,5 m)*** ***- Tung bóng lên cao và bắt bóng bằng 2 tay*** ***- Tung, đập bắt bóng tại chỗ*** - Đi đập và bắt được bóng nảy 4-5 lần liên tiếp ***- Chuyền bóng bằng 2 tay không làm rơi bóng.*** - Ném trúng đích đứng (cao1,5- 2m xa 2-2,5m) ***- Ném xa bằng 1 tay, 2 tay theo hướng thẳng*** 2.4. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy liên tục theo hướng thẳng ***18-19m*** trong khoảng 10 giây ***- Chạy chậm 120m*** - Ném trúng đích ***nằm ngang bằng 1 tay (xa 2,5m)***

	- Bò trong đường hẹp (3,5m x 0,3m) không chệch ra ngoài ***- Bò, trườn theo hướng thẳng, dích dắc (3-4 điểm cách nhau 2m)*** ***- Bò chui qua cổng, qua dây*** ***- Bước lên, xuống bục cao (cao 30-35 cm)*** ***- Bật tại chỗ, về phía trước.*** ***- Bật xa tối thiểu 30cm*** ***- Bật qua vật cản (5-10cm)***	- Bò trong đường dích dắc ***(5 điểm cách nhau 2,5m)*** không chệch ra ngoài. ***- Bò bằng bàn tay, bàn chân 4-5m*** ***- Bò chui qua cổng, ống dài 1,2m x 0,6m*** ***- Trườn theo hướng thẳng (4m)*** ***- Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm*** ***- Trèo lên, xuống 5-6 gióng thang.*** ***- Bật liên tục về phía trước, bật liên tục vào 5-6 vòng.*** ***- Bật xa tối thiểu 40cm*** ***- Bật-nhảy từ trên cao xuống 35-40cm*** ***- Bật tách chân, khép chân 5 ô*** ***- Bật qua vật cản 10-15cm*** ***- Nhảy lò cò 4m***	- Bò vòng qua ***7-8*** điểm dích dắc cách nhau ***1,2m*** theo đúng yêu cầu. ***- Bò bằng bàn tay và bàn chân 5-6m. Bò chui qua ống dài 1,5-2m rộng 0,5m*** ***- Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,7mx30cm*** ***- Trèo lên, xuống 7-9 gióng thang*** ***- Bật liên tục vào 7-9 vòng (đường kính 35-40cm)*** ***- Bật xa 40-50cm*** ***- Bật - nhảy từ trên cao xuống 45-45cm*** ***- Bật tách chân, khép chân 7-9 ô*** ***- Bật qua vật cản 15-25cm*** ***- Nhảy lò cò 5-6m***
3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay- mắt	3.1. Thực hiện được các vận động - Xoay tròn cổ tay, ***vo, xoắn*** - Gập, đan ngón tay vào nhau 3.2 Phối động được cử động bàn tay ngón tay trong một số hoạt động - Vẽ được hình tròn theo mẫu - Cắt thẳng được một đoạn ***10 - 12 cm*** - Xếp chồng ***10-11*** khối không đổ - Tự cài, cởi cúc, ***đi giày, dép...***	3.1. Thực hiện các vận động: - Cuộn - xoay tròn cổ tay - Gập, mở các ngón tay ***- Gập đan ngón tay vào nhau*** ***- Gập giấy*** 3.2. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay- mắt trong một số hoạt động; - Vẽ hình người, nhà, cây, ***con vật, một số cảnh vật đơn giản*** - Cắt thành thạo theo đường thẳng, ***vòng cung...*** - Xây dựng, lắp ráp với ***13-14 khối*** - Biết tết sợi đôi	3.1 Thực hiện được các vận động: - Uốn ngón tay, bàn tay, xoay cổ tay ***- Bẻ, nắn, lắp ráp*** - Gập, mở lần lượt từng ngón tay 3.2. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay- mắt trong một số hoạt động: - Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số, ***sao chép tên mình..*** - Xé, Cắt được theo đường viền của hình vẽ, ***cắt theo ý thích và yêu cầu*** - Xếp chồng 12- 15 khối theo mẫu - Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu ***- Đan, tết***

	- 3 động tác tay múa, 3 động tác võ thuật cơ bản.	- Tự cài cởi cúc, buộc dây giày, ***mặc quần áo...*** ***- 4 động tác tay múa, 4 động tác võ thuật cơ bản.***	- Tự cài, cởi cúc, xâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa (phéc mơ tuya) ***- 5 động tác tay múa cơ bản, 5 động tác võ thuật cơ bản.***

b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

Kết quả mong đợi	3- 4 tuổi	4-5 tuổi	5- 6 tuổi
1. Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe.	1.1. Nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh, ***tháp dinh dưỡng*** (thịt, cá, trứng, sữa...) 1.2. Biết tên ***và cách chế biến đơn giản*** một số món ăn hàng ngày: Trứng rán, cá kho, rau...	1.1. Biết một số thực phẩm cùng nhóm: - Thịt, cá... có nhiều chất đạm - Rau, quả chính có nhiều vitamin	1.1. Lựa chọn, ***phân loại*** được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: - Thực phẩm giàu chất đạm: Thịt, cá... - Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả...
		1.2. Nói tên được một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...	
	1.3. Biết ăn để chóng lớn khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau	1.3. Ăn để cao lớn, khỏe mạnh và thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	1.3. Biết: ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.
2. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt	2.1. Thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn. - Rửa tay lau mặt xúc miệng, ***làm quen với cách đánh răng*** - Tháo tất, cởi quần áo.... 2.2. Sử dụng bát thìa, cốc đúng cách	2.1. Thực hiện một số việc khi được nhắc nhở - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn 2.2. Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng không rơi vãi, đổ thức ăn	2.1. Thực hiện được một số việc đơn giản: - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi qui định. - Đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong dội/ giật nước cho sạch 2.2. Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo

3. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe	3.1. Có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: uống nước đã đun sôi.. 3.2. Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở - Chấp nhận: vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau chảy máu ***- Bỏ rác đúng nơi quy định*** ***- Đi vệ sinh đúng nơi quy định khu nam/nữ*** ***- Biết lấy và cất đồ dùng cá nhân đúng nơi quy định, không thay quần áo chỗ đông người.***	3.1. Có một số hành vi tốt trong ăn uống: - Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kĩ. - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... - Không uống nước lã ***- Che miệng khi ho hắt hơi*** ***- Cầm bát, thìa ăn cơm không làm rơi vãi*** 3.2. Có một sô hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở - Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, khi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt... - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, - Bỏ rác đúng nơi quy định. ***- Biết lấy và cất đồ dùng cá nhân đúng nơi quy định, không thay quần áo chỗ đông người.***	3.1. Có hành vi và thói quen tốt trong ăn uống: - Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường. 3.2. Có hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh: - Vệ sinh răng miệng sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy - Ra nắng đội mũ, đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh - Nói với người lớn khi bị đau, khi bị đau, chảy máu hoặc sốt... - Che miệng khi ho, hắt hơi - Đi vệ sinh đúng nơi quy định - Bỏ rác đúng nơi quy định; không nhổ bậy ra lớp ***- Giữ đầu tóc quần áo gọn gàng*** ***- Tự lấy, cất đồ dùng đúng quy định, không thay quần áo chỗ đông người.***
4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh	4.1. Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...) khi được nhắc nhở	4.1 Nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng... là nguy hiểm, không đến gần. Biết các vật sắc, nhọn không nên nghịch.	4.1. Biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng...là những vật dụng nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn.

	4.2. Biết tránh nơi nguy hiểm (hồ ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi...) khi được nhắc nhở. 4.3. Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: - Không cười đùa trong khi ăn và uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... - Không tự ý lấy thuốc uống. - Không leo trèo bàn ghế, lan can. - Không nghịch các vật sắc nhọn - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp. *4.4. Biết coi trọng cơ thể mình và cơ thể người khác*	4.2. Nhận ra những nơi như: Hồ, ao, bể chứa nước là nơi nguy hiểm không được chơi gần 4.3. Biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt. - Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ...Không uống rượu, bia, cà phê, không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo 4.4. Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ: - Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: Cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết *4.5. Biết đánh giá cao cơ thể mình và cơ thể người khác, không để người khác chạm và cơ thể mình*	4.2. Biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm...là nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần. 4.3. Nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh: - Biết: cười đùa trong khi ăn và uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc, sặc... - Biết: không tự ý uống thuốc - Biết: ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tố cho sức khỏe. ***- Biết và không làm một số việc có thể gây nguy hiểm*** ***- Biết hút thuốc lá là có hại và không lại gần người hút thuốc lá*** 4.4. Nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ: - Biết gọi người lớn khi có trường hợp khẩn cấp: Cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã, chảy máu.... - Biết tránh một số trường hợp không an toàn: + Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi + Ra khỏi nhà khu vực trường lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo - Biết được địa chỉ nơi ở số điện thọi gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ

			4.5. Thực hiện một số quy định ở trường, nơi cộng cộng về an toàn: - Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi - Đi bộ trên vỉa hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy - Không leo trèo cây, ban công, tường rào... ***Không chơi những nơi mất vệ sinh và nguy hiểm*** *4.6. Biết đánh giá cao cơ thể mình và cơ thể người khác, không để người khác chạm và cơ thể mình. Quy tắc 5 ngón tay*

II. GIÁO DỤC NHẬN THỨC.

a. Khám phá khoa học.

Kết quả mong đợi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
1. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật hiện tượng	1.1 Quan tâm hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi như chăn chú quan sát sự vật hiện tượng gần gũi như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng, *con người.* 1.2 Sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng; nhìn, nghe, sờ, ngửi... để nhận	1.1 Quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: " Vì sao cây lại héo?" " Vì sao lá cây bị ướt?", *con người sinh ra và lến lên như thế nào?* 1.2 Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	1.1. Tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: "Tại sao có mưa?" *con người sinh ra và lớn lên như thế nào?*... ***- Dự đoán một số hiện tượng tự nhiên sắp sảy ra*** 1.2. Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả,***con vật, đồ dùng đồ chơi, phương tiện giao thông...***và thảo luận về đặc điểm của đối tượng. 1.3. Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát so sánh dự đoán,

	ra các đặc điểm nổi bật của đối tượng. 1.3 Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn, để quan sát, tìm hiểu về đối tượng.VD: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi. ***- Làm quen với một số thử nghiệm đơn giản tại góc hoạt động STEAM, góc KPKHTN, khu vui chơi với cát, nước...*** 1.4. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng 1.5. Phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật ***1.6 Nghe và nhận diện, nhận biết được một số từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hiện tượng, hành động đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi bằng tiếng Anh.***	1.3 Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/đường/muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh. ***- Thực hiện được một số thử nghiệm qua các hoạt động học, chơi tại góc hoạt động STEAM, góc KPKHTN, khu vui chơi với cát, nước, sỏi...*** 1.4 Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: Xem sách, tranh ảnh, nhận xét trò chuyện 1.5 Phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu nổi bật. *1.6. Có một số hiểu biết về các công cụ và máy móc cơ bản trong cuộc sống hàng ngày, quan tâm đến sự tiện lợi của máy móc.* ***1.7. Trẻ được tư duy tìm ra cách thích hợp để hoàn thành nhiệm vụ; nghe và nhận diện, nhận biết được một số từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hiện tượng, hành động đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi bằng tiếng Anh.***	nhận xét và thảo luận. VD: Thử nghiệm gieo hạt/trồng cây được tưới nước và không tưới. ***Vì sao trứng chìm, vì sao trứng nổi?, pha màu đường, muối...*** ***- Thực hành theo dõi và so sánh sự phát triển tại vườn rau của bé, góc KPKHTN, khu vui chơi với cát, nước, sỏi....*** ***- Sử dụng bảng thời tiết để cho trẻ mô tả và dự đoán thời tiết trong ngày và các ngày, trong tuần*** 1.4. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: Xem sách, tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.... 15. Phân loại các đối tượng theo ***2-3*** dấu hiệu khác nhau *1.6. Có một số hiểu biết về các công cụ và máy móc cơ bản trong cuộc sống hàng ngày, quan tâm đến sự tiện lợi của máy móc.* ***1.7. Trẻ được tự do tư duy tìm ra cách thích hợp để hoàn thành nhiệm vụ; nghe và nhận diện, nhận biết được một số từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hiện tượng, hành động đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi bằng tiếng Anh.***
2. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng	2.1. Nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi	2.1. Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: " Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/ mặn hơn.	2.1.. Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng. VD: "nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi";

và giải quyết vấn đề đơn giản		2.2. Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô, đồ chơi chạy nhanh hơn.	***nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước, biến đổi khí hậu...*** 2.2. Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.
3. Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau	3.1.Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo 3.2.Thể hiện một số điều quan sát được qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	3.1 Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát 3.2 Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	3.1. Nhận xét thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát. 3.2. Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình....
4. Dự án Steam, phương pháp Reggioemilia, LQ máy tính	***- Trẻ biết thực hiện các nội dung của dự án STEAM đảm bảo theo 6 bước*** ***- Trải nghiệm thực tế theo phương pháp Reggio emilia. Biết thực hành, chơi các trò chơi KPKH trên hệ thống máy tính Kidsmart.***		

b. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán

Kết quả mong đợi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
1. Nhận biết số đếm, số lượng	1.1. Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử ngón tay để biểu thị số lượng. 1.2. Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5 ***theo khả năng.*** 1.3 So sánh số lượng 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ; bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	1.1. Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: "Bao nhiêu?"; "Là mấy số?"... 1.2. Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 1.3. So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. 1.4. Gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.	1.1. Quan tâm đến con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: Bao nhiêu? Đây là mấy? 1.2. Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. 1.3. So sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: Bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất. 1.4. Gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm

	1.4. Biết gộp và đếm 2 nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5 1.5. Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành 2 nhóm.	1.5. Tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn. *1.6. Thực hiện phép cộng và phép trừ với các đồ vật cụ thể trong phạm vi 5.* 1.7. Sử dụng các số từ 1 - 5 để chỉ số lượng, số thứ tự 1.8. Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày.	1.5. Tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau. *1.6. Thực hiện phép cộng và phép trừ với các đồ vật cụ thể trong phạm vi 10.* 1.7. Nhận biết các con số từ 5-10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự 1.8. Nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày.
2. Xếp tương ứng	***Xếp tương ứng 1 - 1, ghép đôi.***		***Ghép thành cặp đối tượng có mối liên quan***
3. Sắp xếp theo quy tắc	- Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (Mẫu) và sao chép lại.	- Nhận ra quy tắc của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại. ***- Tự xếp theo theo quy tắc nào đó và nói ra quy tắc đó.***	3.1. Biết sắp xếp các đội tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu 3.2. Nhận ra quy tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại. 3.3. Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp. 3***.4. Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan***
4. So sánh 2 đối tượng	- So sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/thấp hơn; bằng nhau.	- Trẻ biết sử dụng dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2-3 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	- Sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.
5. Nhận biết hình dạng	- Nhận dạng và gọi đúng tên hình tròn, hình vuông, hình tam giác, hình chữ nhật, ***sử dụng các hình hình học để chắp ghép.***	5.1.Chỉ ra các điểm giống và khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật..)	- Gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật.

		5.2. Sử dụng các ***các hình hình học,*** các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản. ***- Biết chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.***	***- Biết chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.*** ***- Biết tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau***
6. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian	- Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	6.1 Sử dụng lời nói và hành động để chỉ đồ vật so với người khác. 6.2. Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	6.1. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ về ví trí của đồ vật so với vật làm chuẩn. 6.2. Gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm.
7. Dự án Steam - Trò chơi với Kidsmart	***- Trẻ biết thực hiện các nội dung của dự án Steam đảm bảo theo 6 bước*** ***- Biết đếm, so sánh, nhận dạng hình học, biết so sánh và nhận ra sự giống và khác nhau bằng trải nghiệm thực tế theo phương pháp Reggio emilia.*** ***- Biết một số thao tác máy tính đơn giản (Bật, tắt, sử dụng chuột), chơi các trò chơi LQ với toán trên hệ thống máy ở Kidsmart.***		

c. Khám phá xã hội

Kết quả mong đợi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
1.Nhận biết bản thân gia đình trường lớp mầm non, trường tiểu học và cộng đồng	1.1. Nói được tên, tuổi, giới tính, ***sở thích*** của bản thân, khi được hỏi, trò chuyện. 1.2. Nói ***rõ*** được tên bố mẹ và các thành viên trong gia đình. 1.3. Nói được địa chỉ của gia đình, *tên phường/xã* khi được	1.1. Nói họ tên, tuổi, giới tính, ***đặc điểm bên ngoài***, ***sở thích*** của bản thân khi được hỏi, trò chuyện. 1.2 Nói họ tên và công việc của bố, mẹ và các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình. 1.3. Nói địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố, thôn xóm) khi được hỏi, trò chuyện.	1.1.Nói đúng họ tên, ngày sinh giới tính, ***đặc điểm bên ngoài*** của bản bản thân khi được hỏi, trò chuyện. 1.2. Nói tên, tuổi, giới tính, công việc hằng ngày, sở thích của các thành viên trong gia đình, ***quy mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn), nhu cầu của gia đình*** khi được hỏi trò chuyện, xem ảnh về gia đình. 1.3. Nói địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố/ thôn, xóm), số điện thoại ...khi được hỏi trò chuyện.

	hỏi trò chuyện xem ảnh về gia đình. 1.4. Nói được tên trường/ lớp/ cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng, ***công việc của cô giáo và một số hoạt động*** trong lớp khi được hỏi, trò chuyện. ***1.5. Nói được tên Bác Hồ và tình cảm của Bác đối với các cháu thiếu nhi***	*1.4. Nói được tên một số phường/xã trên địa bàn thành phố Lào Cai.* 1.5 Nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện. 1.6. Nói tên một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trông trong trường khi được hỏi, trò chuyện. 1.7. Nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp, ***các hoạt động của trẻ ở trường*** khi được hỏi, trò chuyện. ***1.8. Biết tên Bác Hồ, biết Bác Hồ là lãnh tụ của nước Việt Nam, biết 1 số địa danh lịch sử gắn với bác.***	*1.4. Nói được tên một số phường/xã trên địa bàn thành phố Lào Cai.* 1.5..Nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi trò chuyện 1.6. Nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện 1.7. Nói họ tên và đặc điểm, ***sở thích*** của các bạn trong lớp khi được hỏi trò chuyện. ***1.8. Biết tên, quê hương bác Hồ, biết Bác Hồ là lãnh tụ của nước Việt nam, biết 1 số địa danh lịch sử gắn với bác.*** ***1.9. Biết tên trường, làm quen với 1 số hoạt động, đồ dùng của trường tiểu học.***
2. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương; *- Luật lệ giao thông.* **3. Nhận biết một số lễ hội và danh lam thắng cảnh, *quê***	- Kể tên và nói được sản phẩm, ích lợi của nghề nông, nghề xây dựng...khi được hỏi, xem tranh. ***- Trẻ biết 1 số luật lệ giao thông đường bộ đơn giản*** 3.1. Kể tên một số lễ hội: ngày khai giảng, tết trung thu...qua trò chuyện, tranh ảnh. 3.2. ***Nhận biết cờ tổ quốc***, kể tên một vài danh lam thắng	- Kể tên công việc, công cụ, sản phẩm/ ích lợi, ý nghĩa, các hoạt động của một số nghề khi được hỏi và trò chuyện. ***- Trẻ biết 1 số luật lệ giao thông đường bộ đơn giản*** 3.1. Kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội. 3.2. Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử, ***sự kiện***	- Nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. Ví dụ: nói:"nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới"... ***- Trẻ biết, thực hành 1 số luật lệ giao thông, biển báo đường bộ đơn giản.*** 3.1. Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội VD: Nói "ngày Quốc khánh (Ngày 2/9) cả phố

hương, đất nước	cảnh, ***di tích lịch sử*** ở địa phương.	***văn hóa*** ở địa phương, ***quê hương, đất nước.***	em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên"… 3.2. Kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương đất nước
	- Tham gia các ngày lễ hội tại trường (sinh nhật Bác, Tết Nguyên Đán, trung thu...). ***- Tham quan, trải nghiệm, biết một số di tích, cảnh đẹp của TP Lào Cai (Đền Thượng, Công viên Hồ Chí Minh, Siêu thị Đức Huy...).***		

III. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

Kết quả mong đợi	3-4 tuổi	4- 5 tuổi	5- 6 tuổi
1. Nghe hiểu lời nói	1.1. Thực hiện được ***2-3*** yêu cầu đơn giản, ví dụ: "Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ". 1.2. Hiểu nghĩa của từ khái quát gần gũi: Quần áo, đồ chơi, hoa, quả. 1.3. Lắng nghe và trả lời câu hỏi của người đối thoại, ***biết nghe các giọng nói, biểu cảm khác nhau.***	1.1. Thực hiện được 3-4 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: "Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng và cầm lên cho cô". 1.2. Hiểu nghĩa của từ khái quát ***chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm như: vui, buồn, nóng, lạnh,*** rau quả, con vật, đồ gỗ, đồ chơi.. 1.3. Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại. ***Nghe, hiểu các giọng nói biểu cảm khác nhau***	1.1. Thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể, ví dụ: "Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, tất cả các bạn có tên bằng chữ cái H đứng sang bên trái ***sau đó các bạn đúng quay mặt vào nhau"*** 1.2. Hiểu nghĩa của từ khái quát: Phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng học tập, đồ dùng gia đình…) ***1.3.*** Lắng nghe, nhận xét ý kiến của người đối thoại ***và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp***

	1.4. Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu ghép.	***1.4. Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.***	***1.4. Nghe hiểu nội dung câu đơn, câu phức, câu mở rộng và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến 3-4 hành động.***
	Nghe hiểu được một số từ, cụm từ và câu quen thuộc bằng tiếng Anh. ***1.5. Trẻ nghe và hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc, bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò vè. Trẻ nghe và hiểu nội dung truyện tranh, bài thơ bằng tiếng Anh.***		
2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày	2.1. Nói rõ ***ràng*** các tiếng Việt. ***- Nói được một số từ, cụm từ, tên đồ vật, sự vật, hành động rất đơn giản bằng tiếng Anh, nói theo khả năng.*** 2.2. Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm… 2.3. Sử dụng ***thường xuyên*** được câu đơn, câu ghép ***trong giao tiếp.*** 2.4. Kể lại ***rõ ràng*** được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: Thăm ông bà, đi chơi, đi xem phim, đi học 2.5. Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao. 2.6. ***Nhớ tên, nội dung câu truyện,*** kể lại ***rõ ràng*** truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	2.1. Nói rõ để người nghe có thể hiểu được. ***Phát âm rõ các tiếng có chứa các âm khó.*** ***- Nói được một số từ, cụm từ, tên đồ vật, sự vật, hành động rất đơn giản bằng tiếng Anh, nói theo khả năng.*** 2.2. Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm… 2.3. Sử dụng các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định ***để bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân.*** 2.4. Kể lại ***rõ ràng*** sự việc theo trình tự, ***có nhiều tình tiết.*** 2.5. Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao… ***Đọc theo được một số bài vần, bài thơ đơn giản, phù hợp với lứa tuổi bằng tiếng Anh*** 2.6. Kể lại truyện có mở đầu, có kết thúc.	2.1. Kể ***và trả lời*** rõ ràng, ***mạch lạc***, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được. ***- Nói được một số từ, cụm từ, câu, tên đồ vật, sự vật, hành động rất đơn giản bằng tiếng Anh, nói theo khả năng.*** 2.2. Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm… phù hợp với ngữ cảnh. 2.3. ***Sử dụng thành thạo*** câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh… 2.4. Miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái… của nhân vật. 2.5. Đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao… ***Đọc theo được một số bài vần, bài thơ đơn giản, phù hợp với lứa tuổi bằng tiếng Anh*** 2.6. ***Kể lại chuyện đã được nghe theo trình tự***, kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện.

	2.7. Bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện. 2.8. Sử dụng các từ: "Vâng ạ"; "Dạ"; "Thưa"… trong giao tiếp. ***- Trả lời và đặt các câu hỏi: "ai", "cái gì", "ở đâu", "khi nào", "vì sao", "như thế nào", "để làm gì"*** 2.9. Nói đủ nghe không nói lý nhí.	2.7. Bắt chước giọng nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ của nhân vật trong truyện. ***Trẻ kể chuyện sáng tạo qua tranh, đồ vật.*** 2.8. Sử dụng thành thạo các từ như: "Mời cô"; "Cảm ơn"; "Mời bạn"; "Xin lỗi"… trong giao tiếp. ***- Trả lời và đặt các câu hỏi: "ai", "cái gì", "ở đâu", "khi nào", "vì sao", "như thế nào", "để làm gì".*** 2.9. Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	2.7. Đóng được vai của nhân vật trong chuyện ***- Trẻ kể chuyện sáng tạo qua tranh, đồ vật.*** 2.8. Sử dụng các cụm từ "Cảm ơn"; "Xin phép"; "Thưa"; "Dạ"; Vâng"... phù hợp với tình huống. ***- Trả lời và đặt các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: "tại sao", "Có gì giống nhau", "Có gì khác nhau", "Do đâu", "Tại sao", "như thế nào"…*** ***- Hỏi lại hoặc có biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói.*** 2.9. Điều chỉnh giọng nói và sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm phù hợp với ngữ cảnh, ***hoàn cảnh giao tiếp***
3. Làm quen với việc đọc, viết	3.1. Đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách theo tranh. 3.2. Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh. 3.3. Thích vẽ, "viết" nguệch ngoạc ***- Biết cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. "Đọc" sách theo tranh minh họa.*** ***3.4. Biết kí hiệu thông thường: Nhà vệ sinh...***	3.1. Chọn sách để xem. 3.2. Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh. 3.3. Cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. "Đọc" sách theo tranh minh họa ("Đọc vẹt"). ***- Biết hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dưới.*** 3.4. Nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm... 3.5. ***Nhận dạng một số chữ cái. Tập tô và đồ các nét chữ bằng tiếng Việt***	3.1. ***Chọn sách để đọc và "xem". Thể hiện sự thích thú với sách, có hành vi như "người đọc sách", biết giữ gìn, bảo vệ sách*** 3.2. Kể chuyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân. 3.3. Biết cách "đọc sách" từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu đến cuối sách. 3.4. Nhận ra kí hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra-vào, cấm lửa, biển báo giao thông... 3.5. Nhận dạng các chữ trong bản chữ cái tiếng Việt, ***mọi lúc, mọi nơi***.

		Tô màu được một số biểu tượng, kí hiệu theo hướng dẫn bằng tiếng Anh 3.6 Sử dụng các kí hiệu để "viết": tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng...	3.6. Tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình. ***Biết viết chữ theo trình tự từ trái qua phải, trên xuống dưới. Tô màu một số nét, chữ cái bằng tiếng Anh*** ***3.7. Chơi và nhận dạng các chữ cái qua các trò chơi trong phòng học Kidsmart***
4.Dự án STEAM	***- Trẻ biết thực hiện các nội dung của dự án STEAM đảm bảo theo 6 bước***		

IV. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI

Kết quả mong đợi	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. Thể hiện ý thức về bản thân	1.1. ***Tự*** nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân ***thông qua những câu hỏi gợi mở của cô giáo và những người xung quanh.*** 1.2 Nói được điều bé thích, không thích.	1.1. Nói được ***họ*** tên, tuổi, giới tính của bản thân. Nói được tên bố, mẹ, ***anh, chị, em trong gia đình.*** 1.2 Nói được điều bé thích, không thích ***và thể hiện bằng thái độ, cử chỉ, nét mặt phù hợp,*** những việc gì bé có thể làm được.	1.1. Nói được họ tên, tuổi, giới tính, ***khả năng*** của bản thân, ***mạnh dạn tự tin*** nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được; tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại. 1.2. Nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng). ***Biết mỗi giới tính có sự khác biệt và cần được tôn trọng sự riêng tư.*** 1.3. Biết mình là con / cháu / anh / chị / em trong gia đình, trường/lớp học. 1.4. Biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức. ***- Trẻ có một số phẩm chất tốt với người khác, biết quan tâm, chia sẻ và giúp đỡ người khác khi gặp khó khăn***

2. Thể hiện sự tự tin, tự lực	2.1. Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động ***khác nhau: đóng vai, vận động, xếp hình…*** Mạnh dạn khi trả lời câu hỏi, ***trả lời câu hỏi rõ ràng, mạch lạc.*** 2.2. Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao(chia giấy vẽ, xếp đồ chơi..) ***và thực hành các hoạt động tự phục vụ***	2.1. Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích. ***Biết tuân thủ luật chơi.*** 2.2 Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi), ***Biết cất, dọn đồ dùng, đồ chơi về đúng nơi quy định.*** ***- Chủ động và độc lập trong một số hoạt động.***	2.1. Tự làm một số việc đơn giản hàng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi..) 2.2. ***Có trách nhiệm,*** cố gắng tự hoàn thành công việc được giao. ***và thực hiện công việc đến cùng***. ***- Biết giúp đỡ bố mẹ, cô giáo và người khác những công việc vừa sức.*** ***- Chủ động và độc lập trong một số hoạt động.***
3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh	3.1. Nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh. 3.2. Biết biểu lộ ***trạng thái*** cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận ***qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát vận động***. 3.3. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, ***biết kính yêu Bác Hồ.*** 3.4. Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	3.1. Nhận biết ***và nói được 1 số trạng thái*** cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, ***xấu hổ*** qua nét mặt, lời nói, cử chỉ***, điệu bộ, giọng nói khi tiếp xúc trực tiếp***, qua tranh, ảnh***, bài hát, trò chơi.*** 3.2. Biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, ***xấu hổ qua cử chỉ, hành động, giọng nói.*** ***- Biết yêu thương, chia sẻ, giúp đỡ, quan tâm đến người khác và sự vật, hiện tượng xung quanh.*** 3.3. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ, ***có những hiểu biết đơn giản về Bác Hồ (ngày sinh nhật Bác, tình cảm của Bác Hồ với các cháu thiếu niên nhi đồng...).*** 3.4. Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể	3.1. Nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, ***điệu bô,*** giọng nói của người khác. 3.2. Biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ. ***- Biết kìm chế và hạn chế các cảm xúc, hành động tiêu cực*** ***tăng cường các trạng thái cảm xúc tích cực.*** 3.3. Biết an ủi, ***yêu thương, chia sẻ, giúp đỡ, quan tâm*** và chia vui với người thân và bạn bè. 3.4. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc …), ***có những hiểu biết cơ bản về Bác và Kính yêu Bác Hồ*** 3.5. Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác

		chuyện về bác Hồ. ***Biết kính yêu và biết ơn Bác Hồ***. 3.5. Biết một vài cảnh đẹp, lễ hội, ***danh lam thắng cảnh của địa phương***, của quê hương, đất nước, ***biết thể hiện tình yêu quê hương đất nước bằng việc làm cụ thể như: tự hào, giữ gìn vệ sinh môi trường, tham gia các hoạt động lễ hội ở trường lớp, địa phương.***	Hồ. ***Làm theo 5 điều Bác dạy***. ***Học tập những đức tính tốt đẹp của Bác (Trung thực)*** 3.6. Biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn …) ***của địa phương,*** quê hương, đất nước, ***biết yêu và tự hào về quê hương đất nước.***
4. Hành vi và quy tắc ứng xử về xã hội	4.1. Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ. ***- Biết nhắc nhở cho bạn ở lớp cùng thực hiện một số quy tắc, quy định đơn giản***. 4.2. Biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở ***- Trẻ biết phân biệt hành vi "đúng" - "sai", "tốt" - "xấu"*** ***- Biết yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột.*** 4.3. Chú ý nghe khi cô, bạn nói.	4.1. Thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình ***và nơi công cộng. Biết nhắc nhở người khác cùng thực hiện một số quy tắc, quy định: để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ: trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường không thay quần áo chỗ đông người, đi vệ sinh đúng nhà vệ sinh nam, nữ...***Vâng lời bố mẹ, ông bà. 4.2. Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép. ***- Biết phân biệt hành vi "đúng" – "sai", "tốt" – "xấu" trong sinh hoạt gia đình và trường học.*** ***- Yêu mến, quan tâm, giúp đỡ bạn và người thân trong gia đình.***	4.1. Thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép. ***- Biết thực hiện một số kỹ năng tự phục vụ bản thân phù hợp với giới tính. Biết và phòng tránh nguy cơ bị xâm hại tình dục.*** ***- Biết nhận xét hành vi đúng sai, nhắc nhở người khác cùng thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình và nơi công cộng...*** 4.2. Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép, ***lịch sự, ứng xử đúng mực với các bạn, người lớn, em nhỏ trong giao tiếp hàng ngày.*** ***- Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình. Tự giác thực hiện trách nhiệm cá nhân và biết nhắc nhở người khác thực hiện theo quy định***

	4.4. Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ. ***Biết chờ đến lượt khi được được hướng dẫn, chơi hòa thuận với bạn.*** *- Biết mô phỏng việc sử dụng tiền dùng để mua hàng*	4.3. Chú ý nghe, ***không ngắt lời*** khi cô, bạn nói. 4.4. Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở. ***Biết hợp tác và chia sẻ với bạn trong khi chơi.*** 4.5. Biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật…). ***- Mạnh dạn, tự tin trong các hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm, giao tiếp với người nước ngoài.*** *- Biết mô phỏng việc sử dụng tiền dùng để mua hàng, tiết kiệm và chăm sóc của cải*	4.3. Chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời, ***tôn trọng khi người khác nói.*** 4.4. Biết chờ đến lượt. ***Trẻ hợp tác, chấp nhận, nhường nhịn bạn*** 4.5. Biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn, ***mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến.*** 4.6. Biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn). ***- Mạnh dạn, tự tin trong các hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm, giao tiếp với người nước ngoài.*** *- Biết tiết kiệm và chăm sóc của cải, tái chế các mặt hàng và lập kế hoạch trước khi mua hàng.*
	- Thực hiện một số quy tắc, ký hiệu, biển chỉ dẫn bằng tiếng Anh đơn giản phù hợp độ tuổi.		
5. Quan tâm đến môi trường	5.1. Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây, ***không bẻ cành, hái hoa. Biết bảo vệ, chăm sóc một số con vật quen thuộc.*** 5.2. Bỏ rác đúng nơi qui định. ***- Biết giữ gìn đồ dùng, đồ chơi. Cùng cô làm 1 số đồ dùng, đồ chơi đơn giản từ phế liệu.*** ***- Không để tràn nước khi rửa tay. Biết tắt điện khi ra khỏi phòng.***	5.1. Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc, ***biết yêu thương, bảo vệ con vật nuôi.*** 5.2. Bỏ rác đúng nơi qui định, ***biết phân loại rác thải.*** ***- Biết giữ gìn đồ dùng, đồ chơi. Cùng cô làm 1 số đồ dùng, đồ chơi đơn giản từ phế liệu.*** 5.3. Không bẻ cành, bứt hoa, biết chăm sóc cây ***cối, con vật***. 5.4. Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng. ***Biết nhắc nhở mọi người cùng thực hiện.***	5.2. Bỏ rác đúng nơi qui định, biết phân loại rác và hạn chế rác thải. tái chế một số phế liệu. ***- Biết giữ gìn đồ dùng, đồ chơi. Cùng cô làm 1 số đồ dùng, đồ chơi từ phế liệu.*** 5.3. Biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...), ***Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.*** 5.4. Tiết kiệm trong sinh hoạt: Tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức

			ăn. ***Biết nhắc nhở mọi người cùng thực hiện.***
6. Dự án Steam	***- Trẻ biết thực hiện các nội dung của dự án STEAM đảm bảo theo 6 bước***		

VI. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THẨM MĨ

Kết quả mong đợi	**3-4 tuổi**	**4-5 tuổi**	**5-6 tuổi**
1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật	1.1. Vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật hiện tượng. 1.2. Chú ý nghe, thích được hát theo vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện. 1.3. Vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các sản phẩm tạo hình.	1.1. Vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm, ***các bài hát, bản nhạc*** và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng. 1.2. Chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện. 1.3. Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của tác phẩm tạo hình.	1.1. Tán thưởng, ***hưởng ứng,*** tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng. 1.2. Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện. 1.3. Thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sác, hình dáng, bố cục…) của các tác phẩm tạo hình.
2. Một số kỹ năng trong	2.1. Hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc, ***thể***	2.1. Hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời hát và thể hiện sắc thái của bài hát qua	2.1. ***Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau***. Hát đúng giai

hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình	***hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ… hát theo được một số bài hát đơn giản bằng tiếng Anh.*** 2.2. Vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa). ***Vận động theo được một số bài hát đơn giản bằng tiếng Anh.*** ***- Hứng thú tham gia các hoạt động (Erobic, dân vũ, múa…)*** ***- Biết thực hiện một số động tác múa chân, tay cơ bản.*** 2.3. Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý. 2.4. Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản. 2.5. Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản. 2.6. Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 2 khối hoặc 3 khối.	giọng hát, nét mặt, điệu bộ… ***Hát theo, hát được một số bài hát đơn giản bằng tiếng Anh.*** 2.2. Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa). ***Vận động theo được một số bài hát đơn giản bằng tiếng Anh.*** ***Sử dụng sáng tạo các đồ dùng, dụng cụ bất kì để tạo âm thanh khác nhau.*** ***-Tích cực tham gia các hoạt động: erobic, dân vũ, múa....*** ***- Biết thực hiện một số động tác múa chân, tay cơ bản.*** 2.3. Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm. 2.4. Vẽ phối hợp các nét xiên, thẳng, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục. 2.5 Xé, cắt theo đường thẳng, đường cong… và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục. 2.6. Làm lõm, dỗ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành các sản phẩm có nhiều chi tiết.	điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ… ***Hát theo, hát được một số bài hát đơn giản bằng tiếng Anh.*** 2.2. Vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa, sử dụng các dụng cụ gõ đệm....). ***Vận động theo được một số bài hát đơn giản bằng tiếng Anh.*** ***Biết sử dụng sáng tạo từ các đồ dùng bất kì gõ vào nhau tạo ra các âm thanh khác nhau ở mọi lúc mọi nơi*** ***- Tích cực, tham gia có hiệu quả các hoạt động (Múa, erobic…)*** ***- Biết thực hiện một số động tác múa chân, tay cơ bản.*** 2.3. Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm. 2.4. Phối hợp các kỹ năng vẽ/ nặn/ cắt, xé dán/ xếp hình để tạo thành bức tranh/ sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối. 2.5. Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.

	2.7. Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản. 2.8. Nhận xét sản phẩm tạo hình. ***Đặt tên và giới thiệu sản phẩm tạo hình, sản phẩm steam***	2.7. Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau. ***- Biết sử dụng màu nước để tạo ra sác sản phẩm tạo hình theo ý thích.*** 2.8. Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng..	***2.6. Biết pha các màu nước cơ bản và sử dụng để tạo thành các sản phẩm tạo hình sáng tạo theo ý thích.*** ***Trẻ biết sáng tạo nghệ thuật thông qua các hoạt động trải nghiệm, hoạt động STEAM.***
3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)	3.1. Vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc, ***vận động theo yêu cầu của cô. Biết múa một số động tác của bài múa nghệ thuật*** 3.2. Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. 3.3. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình. ***Giới thiệu sản phẩm tạo hình, sản phẩm STEAM***	3.1. Lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc. ***Biết múa một số động tác của bài múa nghệ thuật, sáng tạo một số động tác múa*** 3.2. Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát. 3.3. Nói nên ý tưởng và tạo ra sản phẩm tạo hình theo ý thích. ***Sáng tạo trong hoạt động tạo hình (làm con vật từ lá cây, hột hạt, phế liệu…; làm hoa từ giấy mầu, hột hạt, màu nước, chai lọ…).*** 3.4. Đặt tên và giới thiệu sản phẩm tạo hình, sản phẩm Steam. ***Giữ gìn sản phẩm của mình, của bạn.***	3.1. Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích. ***Biết múa một số động tác của bài múa nghệ thuật, sáng tạo một số động tác múa*** 3.2. Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.
4. Dự án Steam	***- Trẻ biết thực hiện các nội dung của dự án STEAM đảm bảo theo 6 bước*** ***- Sử dụng các nguyên vật liệu thiên nhiên và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo phương pháp Reggio emilia***		

E. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, HÌNH THỨC TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

I. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Hoạt động chơi

- Hoạt động chơi là hoạt hoạt động chủ đạo của trẻ mẫu giáo. Trẻ có thể chơi các loại trò chơi cơ bản sau:

+ Trò chơi đóng vai theo chủ đề.

+ Trò chơi ghép hình, láp ráp, xây dựng.

+ Trò chơi đóng kịch.

+ Trò chơi học tập.

+ Trò chơi vận động bằng

+ Trò chơi dân gian.

+ Trò chơi với phương tiện công nghệ hiện đại

2. Hoạt động học

- Được tổ chức có chủ định theo kế hoạch dưới sự ***định hướng,*** hướng dẫn trực tiếp của giáo viên. Hoạt động học ở mẫu giáo được tổ chức chủ yếu dưới hình thức chơi ***và trải nghiệm***.

- Thực hiện các dự án Steam, vận dụng phương pháp giáo dục tiên tiến Reggio *và một số nội dung trong chương trình Giáo dục mẫu giáo Hàn Quốc phù hợp.*

3. Hoạt động lao động

- Đối với lứa tuổi mẫu giáo không nhằm tạo ra sản phẩm vật chất mà được sử dụng như một phương tiện giáo dục ***nhằm hình thành những kỹ năng ban đầu cho trẻ về hoạt động lao động.***

- Hoạt động lao động bao gồm: Lao động tự phục vụ, Lao động trực nhật, Lao động tập thể.

4. Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân

Đây là hoạt động nhằm hình thành một số nền nếp, thói quen trong sinh hoạt đáp ứng nhu cầu sinh lí, ***đảm bảo sức khỏe*** của trẻ, tạo cho trẻ trạng thái thoải mái vui vẻ, ***sảng khoái để trẻ hứng thúc tham gia các hoạt động.***

II. HÌNH THỨC TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Theo mục đích và nội dung giáo dục, có các hình thức

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.

- Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỷ niệm những ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Tết trung thu, ngày hội đến trường, tết cổ truyền, sinh nhật của trẻ, ngày hội của các bà, các mẹ, các cô, các bạn gái (8/3), tết Thiếu nhi 1/6, ngày ra trường...).

- Hoạt động STEM, trải nghiệm

2.Theo vị trí không gian có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động trong phòng lớp, ***các phòng học chức năng, phòng Kisdmats, phòng học tiếng Anh.***

- Tổ chức hoạt động ngoài trời, ***tổ chức theo các khu hoạt động: Phát triển vận động; Stem; Trải nghiệm; Dân gian…***

3. Theo số lượng trẻ có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động cá nhân.
- Tổ chức hoạt động theo lớp.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm.
- ***Tổ chức theo hoạt động tập thể toàn trường, theo khối lớp.***

III. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

1. Nhóm phương pháp thực hành trải nghiệm

- Phương pháp thực hành thao tác với đồ vật, đồ chơi: Trẻ sử dụng và phối hợp các giác quan, làm theo sự chỉ dẫn của giáo viên, hành động với các đồ vật, đồ chơi (Cầm, nắm, sờ, đóng, mở, xếp chồng, xếp cạnh nhau, xâu vào nhau...) Để phát triển giác quan và rèn luyện thao tác tư duy.
- Phương pháp dùng trò chơi: Sử dụng các loại trò chơi với các yếu tố chơi phù hợp để kích thích trẻ tự nguyện, hứng thú hoạt động tích cực giải quyết nhiệm vụ nhận thức, nhiệm vụ giáo dục đặt ra.
- Phương pháp nêu tình huống có vấn đề: Đưa ra các tình huống cụ thể nhằm kích thích trẻ tìm tòi, suy nghĩ dựa trên vốn kinh nghiệm để giải quyết vấn đề đặt ra.
- Phương pháp luyện tập: Trẻ thực hành lặp đi, lặp lại các động tác, lời nói, cử chỉ, điệu bộ theo yêu cầu của giáo viên nhằm củng cố kiến thức và kỹ năng đã được thu nhận.
- ***Phương pháp trải nghiệm: Trẻ được thực hành lại các hoạt động học trong ngày, hoạt động STEM, STEAM, thực hành thí nghiệm, ứng dụng phương pháp Reggio emilia...***

2. Nhóm phương pháp trực quan - minh họa ***(Quan sát, làm mẫu, minh họa)***

Phương pháp này cho trẻ quan sát, tiếp xúc, giao tiếp với các đối tượng, phương tiện (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh); hành động mẫu; hình ảnh tự nhiên, mô hình, sơ đồ và phương tiện nghe nhìn (Phim vô tuyến, đài, máy ghi âm, điện thoại, máy vi tính, ***máy Kisdmart***…) thông qua sử dụng các giác quan kết hợp với lời nói nhằm tăng cường vốn hiểu biết, phát triển tư duy, ***sáng tạo*** và ngôn ngữ của trẻ.

3. Nhóm phương pháp dùng lời nói

- Sử dụng các phương tiện ngôn ngữ (Đàm thoại, trò chuyện, kể chuyện, giải thích) nhằm truyền đạt và giúp trẻ thu nhận thông tin, kích thích suy nghĩ, chia sẻ ý tưởng, bộc lộ những cảm xúc, gợi nhớ những hình ảnh và sự kiện bằng lời nói. Lời nói, câu hỏi của giáo viên cần ngắn gọn***, dễ hiểu***, cụ thể, gắn với kinh nghiệm sống của trẻ.

4. Nhóm phương pháp giáo dục bằng tình cảm và khích lệ

- Phương pháp dùng cử chỉ điệu bộ kết hợp với lời nói thích hợp để khuyến khích và ủng hộ trẻ hoạt động nhằm khơi gợi niềm vui, tạo niềm tin, cổ vũ sự cố gắng, ***tích cực*** của trẻ trong quá trình hoạt động.

5. Nhóm phương pháp nêu gương - đánh giá

- Nêu gương: sử dụng các hình thức ***động viên***, ***khuyến khích***, khen, chê phù hợp, đúng lúc, đúng chỗ. Biểu dương là chính nhưng không lạm dụng.

- Đánh giá: thể hiện thái độ đồng tình hoặc chưa đồng tình của người lớn, của bạn bè trước việc làm, hành vi, cử chỉ của trẻ. Từ đó đưa ra nhận xét, trong từng tình huống hoặc hoàn cảnh cụ thể. Không sử dụng các hình phạt làm ảnh hưởng đến sự phát triển tâm- sinh lý của trẻ.

IV. TỔ CHỨC MÔI TRƯỜNG CHO TRẺ HOẠT ĐỘNG

1. Môi trường vật chất

a. Môi trường cho trẻ hoạt động trong lớp

- Trang trí phòng lớp đảm bảo ***an toàn,*** thẩm mỹ, thân thiện và phù hợp với nội dung, chủ đề giáo dục ***và phù hợp với diện tích, thiết kế lớp học.***

- Có các đồ dùng, đồ chơi nguyên vật liệu ***đảm bảo an toàn***, đa dạng, ***hiện đại***, phong phú, thẩm mỹ, hấp dẫn trẻ ***(Quan tâm đến nguyên vật liệu sẵn có tại địa phương).***

- Sắp xếp, bố trí đồ dùng, đồ chơi hợp lý, ***khoa học,*** đảm bảo an toàn và đáp ứng mục đích giáo dục.

- Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo yêu cầu quy định.

- Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt (có thể bố trí cố định hoặc có thể di chuyển), mang tính mở, tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia hoạt động và thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên.

- Các khu vực hoạt động của trẻ gồm có: khu vực chơi đóng vai; tạo hình; thư viện (sách, tranh truyện); khu vực gép hình, lắp ráp/ xây dựng; khu vực dành cho hoạt động khám phá thiên nhiên và khoa học; hoạt động âm nhạc, ***hoạt động trải nghiệm*** và có khu vực yên tĩnh cho trẻ nghỉ ngơi. Khu vực cần yên tĩnh bố trí xa các khu vực ồn ào. Tên các khu vực hoạt động đơn giản, phù hợp với chủ đề và tạo môi trường làm quen với chữ viết cho trẻ.

b. Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời, gồm có:

- Sân chơi và sắp xếp thiết bị ngoài trời.
- Khu chơi với cát, đất, sỏi, nước.
- Bồn hoa, cây cảnh, nơi trồng cây và khu vực nuôi các con vật.
- ***Khu phát triển trí tuệ, khu chợ quê, khu phát triển vận động, khu vườn cổ tích…***

2. Môi trường xã hội

- Môi trường chăm sóc, giáo dục trong nhà trường cần phải đảm bảo an toàn về mặt tâm lý, tạo thuận lợi giáo dục các kỹ năng xã hội cho trẻ.

- Trẻ thường xuyên được giao tiếp thể hiện được mối quan hệ thân thiện giữa trẻ với trẻ và giữa trẻ với môi trường xung quanh.

- Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo.

G. ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ.

Đánh giá sự phát triển của trẻ là quá trình thu thập thông tin về trẻ một cách có hệ thống và phân tích, đối chiếu với mục tiêu của chương trình giáo dục nhà trường, nhận định về sự phát triển của trẻ nhằm điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ một cách phù hợp.

I. ĐÁNH GIÁ TRẺ HÀNG NGÀY

1. Mục đích đánh giá

Đánh giá nhằm kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc giáo dục trẻ hàng ngày, đảm bảo chương trình giáo dục có sự liên thông với trường tiểu học và tiếp cận các phương pháp dạy học tiên tiến, *nội dung giáo dục mẫu giáo của Hàn Quốc.*

Kết quả đánh giá nên được sử dụng làm nền tảng để hiểu trẻ, đưa ra các quyết định trong việc hỗ trợ trẻ, cải tiến phương pháp dạy học, tổ chức và thực hiện chương trình giảng dạy, tiến hành họp phụ huynh và viết vào sổ đánh giá trẻ.

2. Nội dung đánh giá

- Tình trạng sức khỏe của trẻ.
- Trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ.
- Kiến thức, kỹ năng của trẻ theo chương trình giáo dục của nhà trường đã xây dựng.

3. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ.

- Quan sát
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Sử dụng tình huống.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Trao đổi với cha, mẹ/ người chăm sóc trẻ.
- Cho trẻ tự đánh giá nhau theo gợi ý của cô

Hằng ngày, giáo viên theo dõi và ghi chép lại những thay đổi rõ rệt của trẻ và những điều cần lưu ý để kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc giáo dục cho phù hợp. Đảm bảo mục tiêu giáo dục nhà trường theo hướng tiếp cận chương trình giáo dục phổ thông hiện hành để đảm bảo tính liên thông

II.ĐÁNH GIÁ TRẺ THEO GIAI ĐOẠN

1. Mục đích đánh giá

Xác định mức độ đạt được của trẻ ở các lĩnh vực phát triển theo từng giai đoạn (Cuối chủ đề/ tháng, cuối mỗi độ tuổi) trên cơ sở đó điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho giai đoạn tiếp theo, giúp trẻ tiếp cận với môi trường giáo dục tiểu học một cách nhẹ nhàng nhưng vẫn đảm bảo mục tiêu giáo dục nhà trường theo hướng tiếp cận chương trình giáo dục phổ thông hiện hành để đảm bảo tính liên thông…".

2. **Nội dung đánh giá**

Đánh giá mức độ phát triển của trẻ theo giai đoạn về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mĩ.

Đánh giá các nội dung liên thông với trường tiểu học thông qua các hoạt động trong trường MN mà nhà trường đã xây dựng trong chương trình

3. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ.

- Quan sát
- Trò chuyện.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Sử dụng tình huống bài tập/ trắc nghiệm.
- Trao đổi với cha, mẹ/ người chăm sóc trẻ.
- Cho trẻ tự đánh giá nhau theo gợi ý của cô

Kết quả đánh giá được giáo viên lưu giữ trong hồ sơ cá nhân trẻ.

4.Thời điểm và căn cứ đánh giá

- Đánh giá cuối giai đoạn dựa vào mục tiêu giáo dục chủ đề, tháng, kết quả mong đợi cuối độ tuổi.
- Đánh giá mức độ phát triển thể chất của trẻ cần sử dụng thêm chỉ sốvề cân nặng, chiều cao cuối độ tuổi.

Phần bốn
HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Căn cứ vào Chương trình Giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành, các sở giáo dục và đào tạo, phòng giáo dục và đào tạo hướng dẫn các cơ sở giáo dục mầm non xây dựng kế hoạch năm học, tổ chức thực hiện; phát triển chương trình giáo dục mầm non.

Ngoài những nội dung quy định tại mục C Phần hai Chương trình giáo dục nhà trẻ và mục C Phần ba Chương trình giáo dục mẫu giáo, ***nhà trường*** lựa chọn, bổ sung một số nội dung giáo dục như: cho trẻ làm quen với ***tiếng Anh***, tiếp cận công nghệ số và những nội dung giáo dục khác phù hợp với mục tiêu của Chương trình giáo dục mầm non, bảo đảm tính khoa học, thiết thực, hiệu quả, phù hợp với văn hóa, điều kiện của địa phương, của cơ sở giáo dục mầm non, khả năng và nhu cầu của trẻ, theo quy định của pháp luật để phát triển chương trình giáo dục nhà trường nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

em. Việc tổ chức thực hiện các nội dung giáo dục bổ sung theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Trên cơ sở chương trình ***phát triển*** Giáo dục ***nhà trường*** giáo viên chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với nhóm lớp, khả năng của cá nhân trẻ và điều kiện thực tế của ***nhà trường***, địa phương

3. Nội dung của các lĩnh vực giáo dục chủ yếu được tổ chức thực hiện theo hướng tích hợp và tích hợp theo chủ đề gần gũi thông qua các hoạt động đa dạng, thích hợp với trẻ và điều kiện thực tế của ***nhà trường,*** địa phương./.

PHÊ DUYỆT CỦA NHÀ TRƯỜNG **HIỆU TRƯỞNG**	**NGƯỜI XÂY DỰNG KẾ HOẠCH** **PHÓ HIỆU TRƯỞNG**
An Bích Thủy	**Nguyễn Thị Phương**